

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN 9 (PHẦN ĐẦU)

Luận: “Hoặc chỉ có thức”, đến “nói có ba tánh”.

Thuật rằng: Tuy có bảy tụng giải thích người ngoài vấn nạn, nhưng phân làm hai phần:

1. Hai tụng đáp chỉ có thức thì liên trái với vấn nạn lý.
2. Năm tụng đáp chỉ có thức thì liên trái với vấn nạn kinh.

Trong phần sau lại có hai phần:

1. Ba tụng đầu giải thích không có cảnh ba tự tánh không thành vấn nạn.
2. Hai tụng sau giải thích có thức ba vô tánh không thành vấn nạn.

Ở đây trong phần đầu lại có bốn phần:

1. Hỏi chung.
2. Lược đáp.
3. Trình bày.
4. Giải thích.

Đây là phần đầu. Hiện tại ý vấn nạn rằng: Nếu lìa thức bên trong thì pháp bên ngoài không có, chỉ có một tánh không nên nói ba, kinh đã nói ba, cho nên không phải Duy thức.

Luận: “Nên biết ba tánh cũng không lìa thức”.

Thuật rằng: Đây là lược đáp. Không phải nói tánh có ba thì không phải Duy thức, tức là không lìa thức mà nói ba tánh.

Luận: “Tại sao vậy?”

Thuật rằng: Người ngoài hỏi vặn, lý do tại sao ba tánh không lìa thức?

Luận: “Tụng nói”, đến “không phải không thấy kia đây”.

Thuật rằng: Sau đây là đáp rộng. Trong đây có ba tụng, hai tụng đầu phân rõ ba tánh, ba câu đầu của một bài tụng sau thuyết minh tánh một và khác, câu thứ tư thuyết minh thức bên trong khi Viên thành và

Y tha trước sau chứng kiến. Trong hai tụng đầu, tụng thứ nhất giải thích về tánh đầu, nửa tụng kế giải thích Y tha, nửa tụng còn lại giải thích Viên thành. Văn còn lại có thể hiểu. Giải thích sau đây văn phân làm hai đoạn:

1. Giải thích văn tụng.

2. Giải thích các môn.

Trong giải thích bản tụng văn lại phân làm hai đoạn:

1. Giải thích riêng văn tụng.

2. Tổng kết ý tụng để đáp chỗ hỏi.

Trong phần giải thích riêng văn tụng lại phân làm ba đoạn:

1. Phân rõ ba tánh.

2. Phân rõ nghĩa chẳng phải một chẳng phải khác.

3. Phân rõ chứng kiến trước sau.

Trong phần phân rõ ba tánh lại có ba đoạn hoặc hai đoạn:

1. Giải thích tánh Biến kế sở chấp của tụng thứ nhất, và giải thích tánh Y tha khởi của nửa tụng thứ hai, vì tương đối thuyết minh cho nên hợp chung làm một.

2. Giải thích tánh Viên thành thật của nửa tụng còn lại.

Trong phần đầu lại phân làm hai đoạn:

1. Chỉ giải thích Biến kế sở chấp.

2. Hợp chung với Y tha tương đối thuyết minh.

Luận: “Vì kế chấp khắp cho nên gọi là biến kế”.

Thuật rằng: Giải thích hai thuyết trong sở chấp. Đây là giải thích trước của Nan-đà. Giải thích hai chữ biến kế trong câu thứ nhất của tụng. Nghĩa chữ “châu” giải thích là biến khắp, nghĩa chữ “độ” giải thích là kế. Chỉ có Thức thứ sáu mới có thể châu biến kế độ, Thức thứ bảy đồng là loại này cho nên cũng gọi là biến kế, chỉ có thể gọi là kế mà không phải biến. Hiện tại luận này y theo chánh nghĩa, do đây nên tạo bốn câu phân biệt:

1. Có biến mà không phải kế, là các thức Vô lậu, các thức Hữu lậu thiện có thể duyên rộng khắp mà không có kế chấp.

2. Có kế mà không phải biến, là thức Hữu lậu thứ bảy.

3. Có cũng biến cũng kế, là Thức thứ sáu ngã chấp pháp chấp Hữu lậu nhiễm ô.

4. Có phi biến phi kế, là năm thức Hữu lậu và Thức thứ tám.

Hỏi: Biến kế này sao gọi là bỉ bỉ?

Luận: “Phẩm loại rất nhiều”, đến “hư vọng phân biệt”.

Thuật rằng: Vì tâm kế chấp này phẩm loại rất nhiều, hoặc hai

hoặc ba, đến sau sẽ biết. Nói là bỉ bỉ, thể này là gì? Là năng biến kế hư vọng phân biệt, tức là tâm tất cả năng khởi tánh biến kế Y tha.

Sắp sửa giải thích câu thứ hai tức là giải thích câu trên, gồm giải thích chữ “do”.

Luận: “Tức là do bỉ bỉ”, đến “vật bị biến kế”.

Thuật rằng: Vì vọng phân biệt cho nên biến kế các thứ vật bị biến kế. Vật là thể, tức là tâm năng kế khởi lên chỗ chấp. Thể này là gì?

Luận: “Nói rằng chỗ vọng chấp”, đến “tự tánh sai biệt”.

Thuật rằng: Tánh này tức là chỗ chấp của hư vọng, là tất cả nghĩa lý của uẩn, xứ, giới. Hoặc pháp hoặc ngã, là thể tánh và nghĩa sai biệt của tự trong hai thứ này, đây tức là ngoài tâm không có pháp, tức là do có tâm năng kế, thể kế chấp có vật. Hai chữ “biến kế” của câu thứ nhất nêu ra thể của tâm năng kế, lấy hành tướng của biến kế để hiển pháp thể của nó. Chữ “biến kế” trong câu thứ hai tức là hành tướng của tâm năng biến kế, trước lấy hành tướng để nêu ra pháp thể của nó, sau lấy hành tướng để thuyết minh lỗi khởi kế chấp.

Hỏi: Chỗ kế chấp pháp tự tánh này không phải có, tại sao gọi là vật và gọi là các thứ?

Đáp: Tùy theo tâm năng kế cho nên nói là vật. Tâm có nhiều phẩm cho nên nói các thứ, thể không phải các thứ. Lại nữa, chỗ kế chấp vô pháp cũng có thể gọi là vật, vì hai pháp hữu vô đều gọi là vật. Nói các thứ, là tùy theo năng biến kế vọng phân biệt tâm kế chấp vô vật này, vì coi là tình cũng có các thứ tướng.

Luận: “Chỗ vọng chấp này”, đến “chỗ chấp tự tánh”.

Thuật rằng: Giải thích câu thứ ba. Đây là câu thứ hai chỗ vọng chấp thể tánh sai biệt của ngã, pháp, tự tánh ngoài tâm không có, thể như lông rùa quyết định không có, gọi chung là tự tánh Biến kế sở chấp.

Luận: “Như vậy tự tánh”, đến “bất khả đắc”.

Thuật rằng: Tiếp theo là câu thứ tư. Như vậy Biến kế sở chấp và tự tánh của câu thứ ba đều là vô sở hữu, không thể có một ít gì cho nên nói đều là không có, pháp của tánh Y tha thì có thể có chút ít. Làm sao biết không có? Hai pháp lý và giáo suy xét kỹ càng là bất khả đắc, như chỗ dẫn lý và giáo của quyển 7 trước. Đây tức là một lần giải thích, chỉ có giải thích tánh đầu. Sau đây sử thứ hai giải thích, phần đầu chỉ giải thích sơ lược tụng thứ nhất, phần sau rộng đối chiếu Y tha và giải thích rộng nửa bài tụng kế đó.

Luận: “Hoặc câu đầu hiển năng biến kế thức”.

Thuật rằng: Nghĩa cùng với trước đồng.

Luận: “Câu thứ hai hiển thị cảnh sở biến kế”.

Thuật rằng: Là chỗ để nương chấp, cùng với sự trước khác nhau. Đây là lấy lý mà nói, thông với hai tánh Y tha và Viên thành kia, sau đây sẽ tự biết. Nhưng Nhiếp Đại thừa luận chỉ nói Y tha, vì an túc xứ, có chút ít gần nhau, vì cảnh của phạm phu, có thể để biết, lý thông với Thành Thật.

Luận: “Nửa tụng sau mới mở”, đến “bất khả đắc”.

Thuật rằng: Nửa tụng sau tức là hai câu dưới, mới mở ra nghĩa của tánh Biến kế sở chấp không phải có, trong quyển 7 trước đã hiển rộng không phải có. Nhưng như Nhiếp luận quyển 4, quyển 5 ghi: “Năng biến kế tức là câu thứ nhất này, sở biến kế tức là câu thứ hai này, vì biến kế sở chấp tự tánh mà thành”, tức là nửa bài tụng sau trong luận này. Trên đây chỉ nặng giải thích chỗ chấp của bài tụng thứ nhất. Từ đây trở xuống rộng giải thích tụng thứ nhất và Y tha khởi. Dưới đây giải thích ba chủng làm ba đoạn, nhưng trong câu thứ ba cùng với Y tha hợp chung giải thích. Đã nói câu thứ nhất là năng biến kế, cho nên luận này tiếp theo là hỏi.

Luận: “Năng biến kế đầu tự tánh là thế nào?”

Thuật rằng: Đây là hỏi về từ ngữ. Dưới đây trước hết giải thích rộng biến kế, sau đó nói rộng bỉ bỉ.

Luận: “Có nghĩa là tám thức”, đến “đều là năng biến kế”.

Thuật rằng: Đây là An Tuệ giải thích. Chấp tức là thông với ba tánh. Tâm của Hữu lậu thì không có gì mà không phải chấp. Năm thức trước và Thức thứ tám chỉ có pháp chấp, Thức thứ bảy chỉ có nhân chấp, Thức thứ sáu thì chấp thông cả hai thức.

Luận: “Vì hư vọng phân biệt làm tự tánh”.

Thuật rằng: Hoặc tâm Hữu lậu có giống như tâm Vô lậu không khởi chấp, tức là không nên nói hư vọng phân biệt. Hoặc tâm không chấp mà gọi là vọng phân biệt thì tâm Vô lậu đáng lẽ gọi là tâm hư vọng phân biệt, tức là lấy lý này để thuyết minh tâm Hữu lậu đều là năng biến kế. Văn của kinh Lăng-già và luận Trung Biên đều nói tám thức là vọng phân biệt.

Luận: “Đều tương tự năng thủ sở thủ hiện”.

Thuật rằng: Trong Thánh giáo nói hai thủ tên là chấp, các tâm Hữu lậu đã tương tự tương hiện của năng thủ và sở thủ cho nên đều có chấp, không phải có thủ tâm không gọi là thủ, không phải không có chấp tâm tự hai thủ. Tất cả kinh luận đều có văn này. Trong Nhiếp Đại

thừa luận quyển 4 và Biện Trung Biên luận cũng đều nói như vậy.

Luận: “Nói A-lại-da”, đến “làm sở duyên”.

Thuật rằng: Chỗ chấp vọng chấp tập khí của tự tánh, tức là chủng tử của tâm năng chấp. Luận Du-già quyển 51 và Hiền Dương luận ghi: “A-lại-da thức lấy chủng tử vọng chấp của tự tánh biến kế sở chấp làm sở duyên”. Nếu tâm Hữu lậu có không chấp thì có Hữu lậu chủng tử mà Thức thứ tám không duyên. Tại sao luận nói Thức thứ tám duyên chủng tử vọng chấp? Luận Du-già quyển 76 và kinh Giải Thâm Mật ghi: “Tướng, danh và phân biệt của Thức thứ tám”. Quyển 51 ghi: “Duyên biến kế chủng tử, cho nên biến kế chủng tử thông với tất cả tâm Hữu lậu”, tức là trong thiện tâm thừa nhận có pháp chấp. Đây là nghĩa của các sư An Tuệ. Dưới đây phần thứ hai các sư Hộ Pháp giải thích.

Luận: “Có nghĩa là Thức thứ sáu”, đến “là năng biến kế”.

Thuật rằng: Dưới đây vẫn có ba đoạn:

1. Nêu tông.
2. Lập chứng.
3. Tổng hợp văn trái nghịch.

Đây là phần đầu. Hoàn toàn không phải là năm thức và Thức thứ tám, cũng không phải là tất cả tâm, chấp ngã chấp pháp mới là năng biến kế. Tại sao vậy?

Luận: “Chỉ nói Ý Thức năng biến kế”.

Thuật rằng: Sau đây làm chứng có mười, tức là có mười chữ “cho nên”.

Hỏi: Nếu tâm năng chấp thông với tám thức thì tại sao Nhiếp luận quyển 4 chỉ nói ý?

Đáp: Như Thức thứ bảy cũng có thể biến kế, nhưng trong luận kia chỉ nói Ý thức, không nói Thức thứ bảy, lẽ nào Thức thứ bảy không thể làm năng biến kế? Thức thứ bảy đã có thể nhưng không nói. Thuyết minh năm thức và Thức thứ tám cũng có thể nhưng không nói.

Luận: “Ý và Ý thức gọi là Ý thức”.

Thuật rằng: Thức thứ bảy gọi là ý, cùng với Thức thứ sáu hợp lại mà gọi chung là Ý thức, tức là đã nói, ai nói hoặc không nói. Như nghiệp và nghiệp đạo trong Tiểu thừa, tư chỉ là nghiệp nhưng không phải là đạo, ba pháp tham sân si là đạo không phải nghiệp, hai pháp thân và ngữ cũng là đạo cũng là nghiệp, tổng hợp lại nói chỉ gọi là nghiệp đạo. Thức thứ bảy gọi là ý, Thức thứ sáu gọi là thức, tổng hợp lại gọi là Ý thức, cho nên không có vấn nạn trước. An Tuệ nói: “Tại sao không thừa nhận chỉ có Thức thứ sáu là năng biến kế chấp, còn lại bảy thức kia tuy cũng có

thể kế độ nhưng không thể biến kế”. Nhiếp luận tuy không có nói, nhưng không phải các thức kia không có kế độ. Nhiếp luận quyển 4 phần đầu và Thích luận đều có giải thích này, nói “Thức thứ sáu có thể kế độ biến khắp”. Thể thì thuận với tên của nó, ngoài ra không đúng, cho nên luận kia không nói. Lại nữa, như nghiệp và nghiệp đạo của ông hợp chung lại nói, tôi cũng như thế. Thức thứ bảy gọi là ý, năm thức và Thức thứ tám gọi là thức, Thức thứ sáu gọi là Ý thức, luận kia tổng hợp gọi là Ý thức, cũng có lỗi gì! Cho nên biết tám thức đều là năng biến kế.

Luận: “Kế độ phân biệt năng biến kế”.

Thuật rằng: Năm thức trước và Thức thứ tám đã không có kế độ, thuyết minh vô phân biệt mà không khởi chấp, Nhiếp luận quyển 4 phần đầu ghi: “Nên biết Ý thức là năng biến kế, vì có phân biệt, cho đến do đó vô biên hành tướng của Ý thức mà chuyển rộng khắp tất cả phân biệt kế độ, cho nên gọi là Biến kế, không phải năm thức và Thức thứ tám có thể kế chấp rộng như thế”. Nếu như vậy thì Thức thứ bảy không thể kế chấp rộng khắp thì đáng lẽ không phải chỗ này nhiếp? câu nói này không đúng. Kế độ phân biệt trong ba phân biệt có thể làm Hữu tướng phân biệt trong bảy thức cho đến bất nhiễm, không phải năm thức và Thức thứ tám có khả năng này. Thức thứ bảy có kế độ cho nên có thể là chỗ này nhiếp. Năm thức và Thức thứ tám thì không như thế. Luận Vô Tánh ghi: “Ý thức có phân biệt, do có thể hiển thị phân biệt và tùy niệm phân biệt chỗ tạp nhập tạp loạn. Hiển thị tức là kế độ, không phải là tự tánh, ngoài ra các thức khác cũng có. Đây là chánh giải. Sư trước nói: “Kế độ phân biệt là kế chấp các tướng thô to, năm thức và Thức thứ tám thì không có”. Tự tánh, mặc tình và hữu tướng phân biệt thì những thứ này là tế, năm thức và Thức thứ tám nói là có. Lý cũng không câu nệ gì! Tuy Nhiếp luận phỏng theo thô kế độ phân biệt để nói hoặc không nói năm thức và Thức thứ tám. Năm thức và Thức thứ tám thật ra có thể biến kế. Lại nữa, tất cả tám thức lựa riêng với tâm Vô lậu cho nên nói Ý thức là năng hữu phân biệt, không cho rằng chỉ nói Thức thứ sáu và Thức thứ bảy. Nhiếp luận của Thế Thân chỉ nói vì phẩm loại năng biến kế độ này không lựa riêng với pháp nào cả. Vô Tánh luận thì giải thích thiên về luận này, cho nên để hiển thị lời nói lựa riêng biệt thì điều đó có lỗi gì! Lại vấn nạn nữa.

Luận: “Chấp ngã chấp pháp chắc chắn là tuệ”.

Thuật rằng: Không phải năm thức và Thức thứ tám hằng đồng thời với tuệ thì lẽ nào dung chứa có chấp! Sư trước nói: “Nếu kế độ tuệ thô thì năm thức và Thức thứ tám cũng có cái không tế”. Nếu như thế tại

sao tuệ tâm sở không phải là Biến hành tâm sở?

Luận: “Hai chấp chắc chắn cùng với vô minh đồng thời”.

Thuật rằng: Hai chấp ngã và pháp chắc chắn là đồng thời vô minh, vì không phải trong thiện tâm có vô minh, vì thiện căn tánh của vô si trái với nó. Sự trước nói điều đó có lỗi gì? Tôi cũng như Tiểu thừa của ông, tầm và tứ đồng thời khởi, tánh của tầm tứ thuận có thể thừa nhận đồng thời khởi, tánh của tâm thiện và vô minh thì lại trái nhau.

Luận: “Không nói vô minh có thiện tánh”.

Thuật rằng: Luận Du-già đều không nói, trong hai chương sau đây sẽ dẫn văn của luận đó. Như thế nào nội trong tâm thiện mà nói có vô minh? Luận kia nếu nói tất cả Hữu lậu đều gọi là Bất thiện, nói tên là thiện vì hành tướng của nó nhẹ.

Luận: “Si và vô si không tương ứng”.

Thuật rằng: Vì là pháp tương vi cho nên không tương ứng. Như vô tầm cùng với tầm không được cùng khởi. Si và vô si ví dụ cũng như thế. Nếu nói lậu và Hữu lậu đều là Bất thiện thì vô si cùng với si không phải là tương ứng, vì tướng si nhỏ nhẹ mà gọi là vô si.

Luận: “Không thấy có chấp Đạo không trí”.

Thuật rằng: Nếu tâm Vô lậu thì chắc chắn hai Không quán tùy theo một Không mà hiện khởi. Nếu tâm Hữu lậu thì chắc chắn là có pháp chấp, tức là gia hạnh trí đã có pháp chấp, vì sao Năng đạo không trí hiện tiền? Không phải do nước dẫn mà lửa sinh, không phải tối dẫn cho sáng sinh.

Luận: “Chấp hữu và đạt vô, không đồng thời khởi”.

Thuật rằng: Lại nữa, gia hạnh tâm tùy thuận Thánh giáo mà khởi ngã pháp không quán gọi là đạt vô, đã có pháp chấp thì gọi là chấp hữu. Như thế nào là tâm chấp hữu cùng với trí đạt vô mà đồng thời khởi? Nó đã không câu khởi, hiển rõ gia hạnh tâm không phải có pháp chấp.

Luận: “Đã từng không có chấp, không phải là năng huân”.

Thuật rằng: Lại nữa, nếu tâm Hữu lậu đều có pháp chấp thì tâm pháp chấp đó chắc chắn có thể lực, đáng lẽ tâm Dị thực sinh cũng là năng huân, vì tâm Hữu lậu có thể ứng dụng, như thiện và ác. Nhưng ông chấp Thức thứ tám cũng không phải năng huân, là Dị thực tâm không có thể ứng dụng, không thấy tâm có chấp thể ứng dụng không có năng huân thì đáng lẽ Thức thứ tám cũng là năng huân, nếu không như thế thì cùng trái với tỷ lượng. Nếu như thế tại sao kinh Lăng-già, luận Trung Biên quyển thượng nói ba cõi tám thức đều là vọng phân biệt? Luận Hiển Dương quyển 16 nói cũng như vậy?

Luận: “Tâm Hữu lậu”, đến “hư vọng phân biệt”.

Thuật rằng: Văn sau đây tổng hợp các điều trái nhau có ba phần, đây là phần đầu. Tổng hợp Kiến phần nói: “Tuy trước lập làm hai Không quán nhưng là giả tướng, không bằng Vô lậu chứng thật lý. Tất cả tám thức gọi là Vọng phân biệt, Vọng phân biệt không phải là chấp tâm”. Nếu tâm Hữu lậu có phi chấp, tại sao nói có hai tướng thủ hiển hiện? Trung Biên quyển 1 ghi: “Hư vọng tâm và tâm sở tương tự hai tướng hiện, đều là có chấp”.

Luận: “Tuy tương tự sở thủ”, đến “cũng có chấp”.

Thuật rằng: Đây là tổng hợp thứ hai có hai phần:

1. Tổng hợp.
2. Vấn nạn.

Tổng hợp này và vấn nạn thứ nhất về các tâm Hữu lậu tuy tự tướng hiện của sở thủ và năng thủ, mà không phải tất cả tâm năng Biến kế. Do Y tha khởi thiện và Vô ký tâm, tuy có hai thủ hiện nhưng không phải đều là khởi chấp, không phải lấy tự hai thủ đó liền cho tất cả đều là năng biến kế. Luận Trung Biên kia chỉ căn cứ theo Thức thứ sáu và Thức thứ bảy mà tạo luận. Nếu tự hai thủ đều là chấp thì không có tâm Vô lậu cũng có chấp. Trí sau khi đắc Vô lậu của Bồ-tát và Nhị thừa có hai thủ và tương ứng đều có chấp. Phật Địa quyển 7 ghi: “Chỉ nói Vô lậu có chấp của Nhị thừa”. Căn cứ theo Nhị Thập giải thích thì Hậu đắc trí của Bồ-tát cũng có pháp chấp, so với Phật Địa thì không đồng. Phật Địa chỉ nói Nhị thừa Vô lậu có chấp. Luận này chỉ nói Phật thì không có hiển, ngoài ra đều cũng có.

Luận: “Hậu đắc trí của Như Lai đáng lẽ có chấp?”

Thuật rằng: Vấn nạn sư trước rằng: “Phật đáng lẽ có chấp, vì có hai tướng thủ?” Như các Bồ-tát hiện hai tướng, hoặc chống chế rằng Hậu đắc trí của Như Lai không có hai tướng, có lỗi trái Thánh giáo. Nếu nói không có Tướng phần thì trái với kinh Phật Địa.

Luận: “Kinh nói Phật trí”, đến “như gương soi”.

Thuật rằng: Thức thứ tám Phật trí gọi là Đại viên cảnh, là hiện pháp lạc, Thanh văn và bát bộ trang nghiêm đạo tràng, tức là biến hóa Thanh văn. Thức thứ bảy bình đẳng, cho đến Thành sở tác trí đều có khả năng hiện tại, cho nên bốn trí của Phật đều có hai tướng, cho nên luận nói rằng hiển hiện thân và độ như tấm gương soi. Chớ cho rằng các trí khác đều là ví dụ này. Chỉ có thể hiển hiện tướng và nghĩa có thể đồng. Đây là làm chứng Vô lậu có Tướng phần.

Luận: “Nếu không có duyên và dụng thì đáng lẽ không phải

trí”.

Thuật rằng: Hoặc Như Lai trí không có Kiến phần, tức là không có duyên dụng thì đáng lẽ không phải trí, điều này trái lý. Đẳng nghĩa là đồng nắm lấy chỗ vấn nạn tâm và tâm sở khác. Bốn trí phẩm Vô lậu của Như Lai và Bồ-tát đáng lẽ không phải là trí phẩm, vì không có Kiến phần, như hư không. Đã thành thì đây là ngược hướng lên mà thành, nói rằng Hữu lậu thiện và Vô ký trí phẩm gồm cả tâm Vô lậu phẩm của phàm phu và Nhị thừa đáng lẽ không có pháp chấp, vì không phải nhiệm ô tâm có hai tướng, như Vô lậu trí phẩm của Phật, luận kia cho là Vô lậu trí phẩm của Như Lai có chấp. Kinh Bốn Nghiệp Anh Lạc quyển hạ ghi: “Sáng và tối một tướng, thiện và ác một tâm”, là nghĩa bài kệ của sư An-đà nước của Bình Sa vương, cho nên biết chỗ nói của sư trước là sai. Sư trước vấn nạn rằng: “Nếu các tâm Hữu lậu đều không có chấp thì nói Tạng thức duyên chủng tử nào có riêng khác gì với Biến kế!”

Luận: “Tuy nói Tạng thức”, đến “cho nên không thành chứng”.

Thuật rằng: Tổng hợp này là phần nghịch lý thứ ba, lại có giải thích riêng như quyển 2, trong đây lại còn căn cứ vào Hữu lậu mà miễn cưỡng gọi là Biến kế chủng tử, không nói Hữu lậu chủng đều là Biến kế. Đã như thế, lại không nói Thức thứ tám chỉ duyên Biến kế chủng tử, đã không chỉ nói rõ chủng tử sở duyên của Thức thứ tám, mà còn nói có rất nhiều. Tiếp theo là luận sư Hộ Pháp tổng kết các điều trên.

Luận: “Do lý thú này”, đến “có năng biến kế”.

Thuật rằng: Từ lý thú này chỗ nói như trên thì chỉ đối với hai tâm phẩm của Thức thứ sáu Hữu lậu và Thức thứ bảy Hữu lậu mà có năng biến kế. Đoạn văn năm thức trước và Thức thứ tám nhiếp chung với Ý thức chưa thấy, cho nên năm thức trước và Thức thứ tám là kế không phải là năng biến kế. Đây là lần lượt trình bày trong hai chương của Phật Địa quyển 7. Dưới đây sẽ đối chiếu phân rõ hai chương. Đây là nói rộng về hai chữ Biến kế ở trước. Từ đây xuống là nói rộng hai chữ “bỉ bỉ” ở trước.

Luận: “Thức phẩm tuy có hai”, đến “cho nên nói bỉ bỉ”.

Thuật rằng: Thức phẩm tuy có hai, là hai Thức thứ sáu và thứ bảy, gọi chung Biến kế vì nó là một chủng phân biệt, không cần phải bàn luận.

Nói có hai chủng phân biệt: Trong luận Nhiếp Đại thừa quyển 4 ghi: “Biến kế có hai, một là tự tánh kế, hai là Sai biệt kế. Thế Thân giải thích rằng: Nếu như đối với nhân... mà kế chấp tự tánh thì đối với kế chấp này là sự sai biệt của thường và vô thường. Quyển 73 ghi: “Một

là Vô sai biệt và hai là Hữu sai biệt. Lại nữa, có hai đoạn: một là gia hạnh, hai là thi thiết”. Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: “Một là văn tự, hai là Phi văn tự. Lại nữa, có hai đoạn: một là phân biệt tự thể, hai là phân biệt sở y duyên sự, đều nhiếp trong tám phân biệt”. Quyển 74 ghi: “Một là tùy giác, hai là tùy miên”.

Nói có ba chủng phân biệt: Một là ngã, hai là pháp và ba là dụng, hoặc tự tánh, tùy niệm và tùy độ phân biệt, như luận Đối Pháp quyển 2 nói.

Nói có bốn chủng phân biệt: Nhiếp luận ghi: “Một là Tự tánh kế, hai là Sai biệt kế, ba là Hữu giác thiện hay danh ngôn thiện, bốn là Vô giác kế hay danh ngôn Bất thiện”. Quyển 73 ghi: “Một là Kế tự tánh tướng, hai là Kế sai biệt, ba là Kế sở thủ, bốn là Kế năng thủ”. Có năm thứ thì Nhiếp luận ghi: “Một là Y danh kế nghĩa, hai là Y nghĩa kế danh, ba là Y danh kế danh, bốn là Y nghĩa kế nghĩa, năm là Y danh nghĩa kế danh nghĩa”. Luận Hiển Dương quyển 16 và Du-già quyển 73 nói một chủng tử có năm thứ, cùng với đây đồng. Quyển 73 lại có năm: “Một là Kế nghĩa tự tánh, điều này lại có bốn đoạn: một là Kế tự tướng; hai là Kế danh tự tánh, điều này lại có hai là Vô sai biệt; ba là Kế nhiếp tự tánh, có các tham, sân...; bốn là Kế tịnh tự tánh, sắc này là năng thủ và sở thủ”.

Nói có năm chủng phân biệt:

1. Tham.
2. Sân.
3. Hợp hội.
4. Biệt ly.
5. Xả.

Luận Hiển Dương quyển 16 cùng với văn này đồng. Lại nữa, có năm:

1. Vô thường kế thường.
2. Khổ kế lạc.
3. Bất tịnh kế tịnh.
4. Vô ngã kế ngã.
5. Tự tánh chấp của Biến kế sở chấp trong các tướng.

Nói có sáu chủng phân biệt: Trong luận Hiển Dương quyển 16 ghi:

1. Tự tánh kế: Kế chấp các sắc là thật có tướng.
2. Sai biệt kế: Kế chấp các sắc là thật hữu sắc và Vô sắc.
3. Giác ngộ kế: chấp lời nói thiện.

4. Tùy miên kế: chấp lời nói Bất thiện.
5. Gia hạnh kế: Điều này có năm là tham, sân...
6. Danh biến kế: Điều này có hai là chỗ khởi Văn tự và Phi văn

tự.

Nói có bảy chủng phân biệt: Là bảy phân biệt, tức là hữu tướng, vô tướng, mặc tình, tìm cầu, từ sát, nhiễm ô và bất nhiễm ô, như Du-già quyển 1 và luận Đối Pháp nói.

Nói có tám chủng phân biệt: Tức là tám phân biệt sinh ba sự, như luận Hiển Dương quyển 16 nói. Tám phân biệt gồm:

1. Tự tánh phân biệt: Phân biệt tự tánh của các sắc và tướng sự sắc.
2. Sai biệt phân biệt.
3. Tổng chấp phân biệt.
4. Ngã phân biệt.
5. Ngã sở phân biệt.
6. Ái phân biệt.
7. Bất ái phân biệt.
8. Ái, Bất ái câu tương vi phân biệt.

Ba sự:

1. Hý luận sở y tướng sắc sự.
2. Kiến ngã mạn sự.
3. Tham sân si sự.

Các sự này có giải thích rộng trong tám phân biệt sinh ba sự, như Du-già quyển 36 và luận Hiển Dương quyển 16 giải thích.

Nói có chín chủng phân biệt: Lấy lý làm thành, tức là duyên chín phẩm kế chấp, chấp chín Địa cũng như thế, chín kết câu phẩm chấp cũng vậy.

Nói có mười chủng phân biệt: Tức là Nhiếp luận quyển 4 giải thích. Luận Đối Pháp quyển 14 tuy gọi phân biệt không phải là năng biến kế:

1. Căn bản phân biệt: Tức là Thức thứ tám.
2. Duyên tướng phân biệt.
3. Hiện tướng phân biệt: Nhân... các thức đều làm sở y.
4. Duyên tướng biến dị phân biệt: Như sự biến dị của lão...
5. Hiện tướng biến dị phân biệt.
6. Tha dẫn phân biệt: Loại nghe không đúng chánh pháp.
7. Bất như lý phân biệt: Loại ngoại đạo.
8. Như lý phân biệt: Loại nghe đúng chánh pháp.

9. Chấp trước phân biệt: Loại ngã kiến.

10. Tán động phân biệt: Tức là mười tán động.

Mười tán động cũng làm mười chủng, đây là thể của năng biến kế phân biệt. Lại nữa, luận Đối Pháp quyển 12 nói mười chủng trong kiến và Vô kiến kiến. Lại nữa, là chỗ trừ bỏ của mười kiến và mười tám Không, như quyển 77 giải thích.

Nói có mười một chủng phân biệt: Tức là mười một thức là thân, thức của thân giả, duyên mười một thức này sinh phân biệt thì gọi là mười một chủng phân biệt, như Nhiếp luận nói.

Nói có mười hai chủng phân biệt: Tức là Lăng-già quyển 4, bộ mười quyển ghi:

1. Ngôn ngữ phân biệt: Vì ưa thích nói năng.
2. Khả tri phân biệt.
3. Tướng phân biệt.
4. Nghĩa phân biệt.
5. Thật thể phân biệt.
6. Nhân phân biệt.
7. Kiến phân biệt.
8. Kiến lập phân biệt.
9. Sinh phân biệt.
10. Bất sinh phân biệt.
11. Hòa hợp phân biệt.
12. Phục bất phục phân biệt.

Duyên riêng mười hai xứ sinh phân biệt cũng như vậy, mười ba chủng phân biệt thì không có nói.

Nói có mười bốn chủng phân biệt: Tức là mười bốn thứ Bất khả ký sự phân biệt. Mười lăm chủng phân biệt cũng không có.

Nói có mười sáu chủng phân biệt: Tức là chỗ trừ bỏ mười sáu Không, hoặc chỗ trừ bỏ của ba Không. Luận Hiển Dương quyển 15 nói một là căn trói buộc, hai là hữu tình trói buộc.

Nói có mười bảy chủng phân biệt: Luận Đối Pháp quyển 12 nói là Tướng phần và Kiến phần.

Nói có mười tám chủng phân biệt: Là chỗ trừ bỏ của mười tám Không cho đến hai mươi câu Ngã kiến và Ngã sở kiến. Chỗ trừ bỏ của hai mươi Không cho đến hai mươi câu Ngã kiến và Ngã sở kiến. Luận Đối Pháp quyển 12 nói hai mươi tám kiến và sáu mươi hai kiến, do đó trong luận này ghi: “Mười chủng phân biệt vân vân”. Quyển 74 nói tùy theo Y tha khởi như vậy, mà chỗ phần lượng Biến kế cũng vậy, cho nên

có vô lượng chủng phân biệt. Trong luận này nói, mỗi mỗi chủng này đều như chỗ dẫn của các luận, đều tự phân biệt rộng, không phiên dẫn ra.

Từ trên đến đây nói rộng câu thứ nhất đã xong, từ đây xuống nói rộng về câu thứ hai.

Luận: “Tiếp theo sở biến kế tự tánh là thế nào?”

Thuật rằng: Nói năng biến kế đã xong, tiếp theo hỏi sở biến kế là gì.

Luận: “Nhiếp Đại Thừa nói”, đến “Sở duyên duyên”.

Thuật rằng: Trong ba tánh là Y tha khởi, nói Sở duyên duyên thì chắc chắn là hữu pháp, tâm biến kế lấy Sở duyên duyên này làm duyên, vì gần gũi với Tướng phần thì chắc chắn là Y tha, không lấy Viên thành thật mà làm cảnh, vì Viên thành thật kia không tương tự. Nhiếp luận quyển 4 chỉ nói tánh Y tha là Sở biến kế.

Luận: “Tánh Viên thành thật lẽ nào không phải là cảnh của nó?”

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi. Quyển 76 ghi Thắng nghĩa vô tánh, không giống như chỗ chấp tướng Thắng nghĩa, đến sau sẽ biết, cũng lấy Viên thành thật làm Sở duyên duyên xa, không phải là Tướng phần, vì không tương tự, vì rất xa.

Luận: “Chân không phải vọng chấp”, đến “cũng là sở biến kế”.

Thuật rằng: Y tha là vọng, có thể cho rằng phần ít là Tướng phần của Viên thành thật kia, chân này thì không phải vậy, vì không gần nhau, xa cũng không được.

Luận: “Biến kế sở chấp”, đến “cho nên không phải sở biến kế”.

Thuật rằng: Sở chấp tuy là cảnh của tâm Biến kế, nhưng không phải Sở duyên duyên cho nên không phải sở biến kế, vì sở biến kế thì căn cứ vào Hữu pháp. Nghĩa của cảnh thì đồng thông với Vô pháp cho nên gọi là cảnh, Sở duyên duyên thì câu thúc với Vô pháp tức là phi, cho nên chỉ có Y tha là sở biến kế. Quyển 74 ghi: “Do đâu mà Biến kế? Do y tha khởi”, tức là ở đây nói. Tại sao quyển 74 lại cũng nói Biến kế sở chấp không phải là trí cảnh của phàm và Thánh? Vì vô tướng cho nên nói đều không phải cảnh. Tự tướng phần là Phi vô pháp, Vô pháp không phải Sở duyên duyên, vì Sở duyên duyên chắc chắn là Hữu pháp, tánh của nó có thể gọi là cảnh của sở duyên, không cho nên luận đó nói là cảnh mà không phải là duyên, vì không có thể. Đối với tâm mà nói là không phải cảnh, do đó thuyết của tánh này là nên biết. Đây là câu tụng thứ hai trước đã nói xong. Phật thì không có gì mà chẳng biết. Hoặc biết

như thế nào thành sở duyên, hoặc không biết như thế nào là nói biến trí. Nghĩa này nên suy nghĩ, như trong Duy thức quyển 7 giải thích.

Từ đây xuống nói rộng câu tụng thứ ba và thứ tư, gồm giải thích câu thứ nhất trong bài tụng thứ hai.

Luận: “Tướng của Biến kế sở chấp như thế nào?”

Thuật rằng: Đây là hỏi về thể tướng.

Luận: “So với Y tha khởi lại có gì khác?”

Thuật rằng: Đây là hỏi hai sai biệt chung với hai câu hỏi.

Luận: “Có nghĩa là ba cõi, đến “Biến kế sở chấp”.

Thuật rằng: Sự này có hai ý:

1. Lập tông.

2. Dẫn chứng thiên về đáp câu hỏi thứ nhất.

Các tâm và tâm sở tuy mỗi thể của nó đều là một tự chứng phần nhưng tự hai phần của Y tha mà sinh, là Tướng phần và Kiến phần. Trong các kinh luận nói hai thủ tức là hai phần này. Như vậy hai phần tuy có tương tự thể, nhưng lý thì thật ra là không có. Hai tướng này luận Trung Biên nói là kế sở chấp.

Luận: “Thể của hai sở y”, đến “duyên sở sinh”.

Thuật rằng: Đáp câu hỏi thứ hai, hiển hai thứ sai biệt. Các thức sự thể của hai sở y này, thật ra từ duyên sinh, tánh này không phải không có, tên là Y tha khởi, vì duyên sinh từ chủng tử hư vọng phân biệt. Ý của sư này nói chỉ có tự chứng phần là Y tha mà có. Sở thủ năng thủ và Kiến phần Tướng phần là kế sở chấp, như lông rùa, là Vô pháp.

Luận: “Làm sao biết được như vậy?”

Thuật rằng: Dưới đây là dẫn chứng làm sao biết được hai phần kia là không phải có.

Luận: “Các Thánh giáo nói”, đến “Biến kế sở chấp”.

Thuật rằng: Phân rõ hai thứ sai biệt. Hư vọng phân biệt là Y tha khởi. Luận Trung Biên cựu dịch ghi: “Hư vọng tổng loại là ba cõi tâm tâm sở”. Tân dịch thì ghi: “Ba cõi tâm tâm sở là hư vọng phân biệt”. Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: “Thể tánh của phân biệt là ba cõi tâm tâm sở”. Du-già và Nhiếp luận đều có các câu nói này, là nói rằng ba cõi tâm tâm sở là Y tha khởi, từ nhân duyên sinh, hai thủ của nó gọi là Biến kế sở chấp. Bài tụng trong luận Trung Biên cựu dịch ghi: “Không có hai thủ mà có cái Vô này”. Văn Trường hàng ghi: “Không có hai thủ là không có sở thủ năng thủ, có cái Vô này là có hai thủ vô”. Tân dịch thì ghi: “Không có hai thủ này mà có Vô”. Nhiếp luận và luận Hiển Dương thì văn này rất nhiều. Luận này phần thứ nhất tức là sư An

Tuệ phần nhiều đều nói nghĩa này. Dưới đây là Hộ Pháp mới phân biệt thêm.

Luận: “Có nghĩa là tất cả”, đến “Biến kế sở chấp”. Thuật rằng: Đây là sư thứ hai nói. Trong văn có bốn đoạn:

1. Nêu tông.
2. Dẫn chứng.
3. Bài xích.
4. Kết chánh.

nhân duyên sinh của Tướng phần và Kiến phần cũng là Y tha khởi. Y theo hai phần vọng chấp này mà quyết định là hữu hay vô, hoặc cũng hữu cũng vô, hoặc Phi hữu chẳng phải không, là một hoặc là khác, hoặc câu hoặc bất câu. Đây là lấy hữu vô làm một câu riêng, một và khác hai câu riêng làm đầu. Câu và bất câu thông với hai xứ thì Tướng phần và Kiến phần này mới gọi là Biến kế sở chấp, không phải nhân duyên hai pháp mà gọi là kế sở chấp. Nương theo tổng hợp của sư trước mà tiếp theo dẫn văn làm chứng.

Luận: “Các Thánh giáo nói”, đến “Y tha khởi”.

Thuật rằng: Dưới đây là dẫn chứng. Luận Nhiếp Đại Thừa quyển 4 ghi: “Hai chủng chủng của Duy thức, kia gọi là Duy thức, đây gọi là duy lượng, kia nói là hai, đây gọi là chỉ có hai”. Luận kia tự giải thích rằng: “Duy lượng là không có cảnh, duy lượng là có Kiến phần và Tướng phần, chủng chủng là các thứ hành tướng sinh khởi. Do có Tướng phần và Kiến phần mà được thành hai chủng, cho nên Kiến phần và Tướng phần là Y tha khởi”. Kinh Phật Địa nói là hiện tại thân và cõi, cùng với chỗ dẫn bốn chí giáo của quyển 2 trước, đều có hai phần, ba phần và bốn phần cho nên nói là chủng chủng, vì đều gọi là Y tha khởi. Lại nữa, chủng chủng là Tướng phần và Kiến phần mỗi mỗi đều có nghĩa chủng chủng hành tướng, như Nhiếp luận giải thích.

Luận: “Bốn pháp của các tướng”, đến “Y tha khởi nhiếp”.

Thuật rằng: Lại nữa, trong năm pháp tướng đương với bốn pháp trước, chỉ trừ Chân như. Mười một thức gồm:

1. Thân.
2. Thân giả.
3. Thọ giả.
4. Sở thọ của nó.
5. Năng thọ của nó.
6. Thế.
7. Số.

8. Xứ.
9. Ngôn thuyết.
10. Tự tha biệt.
11. Thức thiện nẻo ác tử sinh.

Nhân... năm căn gọi là Thân, ý và giới sở y của thức gọi là Thân giả, ý và giới sở y của Ý Thức thứ sáu gọi là thức của thọ giả. Ba thức này lấy sáu nội giới làm tánh. Sắc và sáu trần gọi là Sở thọ của nó; sáu thức và giới gọi là Năng thọ; tương tự ba thời ảnh hiện gọi là Thế; tương tự một, hai... gọi là Số; tương tự thôn xóm ảnh hiện gọi là Xứ; tương tự thấy nghe ngôn thuyết hiện gọi là Ngôn thuyết; dấy khởi ngã chấp và ngã sở chấp gọi là Tự tha biệt; tương tự tướng năm nẻo hiện gọi là thức thiện nẻo ác sinh tử. Nghĩa của các môn này như Nhiếp luận giải thích. Trong đây đã nói thân thức, sở thọ thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, thiện nẻo ác sinh tử hợp chung với năm thức gọi là Y tha khởi. Tướng phần cũng là Y tha. Du-già quyển 72, quyển 73 và luận Hiển Dương quyển 12, quyển 16 thuyết minh về năm pháp, Nhiếp luận quyển 4 thuyết minh về mười một thức và tướng danh, các luận đó đều nói thuộc về Y tha khởi, cho nên biết hai phần tướng kiến không phải là kế sở chấp. Luận nói “đẳng” là đồng với tướng thức và đồng với sắc xứ.

Luận: “Không như thế thì Vô lậu”, đến “Biến kế sở chấp”.

Thuật rằng: Dưới đây là bài xích, trong đó có vấn nạn năm lỗi. Đây là vấn nạn lỗi thứ nhất. Nếu các Tướng phần không phải Y tha thì chỗ biến hai phần tướng kiến của Hậu đắc trí của Phật đáng lẽ gọi là sở chấp phải không? Nên lập lượng rằng: Hữu lậu không phải nhiễm Kiến phần và Tướng phần, không phải kế sở chấp, vì là không phải nhiễm tâm hiển hiện hai phần.

Luận: “Thừa nhận thì đáng lẽ Thánh trí”, đến “Hữu lậu cũng như thế”.

Thuật rằng: Nếu thừa nhận hai phần kiến tướng Vô lậu như Nhị thừa thì cũng kế sở chấp thì đáng lẽ Thánh trí không duyên với Tướng phần của tự tha mà sinh. Nếu duyên tướng mà sinh thì liền thành kế sở chấp. Nếu chỗ có trí phẩm có thể duyên Y tha thì đáng lẽ không phải là Đạo đế, vì có Tướng phần, như tâm Hữu lậu. Nếu không thừa nhận Thánh trí thì tuy có hai phần nhưng không phải kế sở chấp. Nên biết tâm Hữu lậu đáng lẽ cũng có hai phần như vậy, như tâm Vô lậu.

Luận: “Lại nữa, nếu hai phần”, đến “thể không phải có”.

Thuật rằng: Đây là vấn nạn thứ hai. Nếu hai phần tướng kiến Hữu lậu, đều là kế sở chấp thì đáng không phải là Sở duyên duyên, vì luận

kia nói kế sở chấp thừa nhận hai phần không phải có, như sừng thỏ. Luận họ cho rằng hai phần không phải Sở duyên duyên. Sở duyên duyên là Trần Na dùng để phá tha và thành tự tha mà làm luận. Ngã đã là Duy thức thì dựa vào cái gì để mà duyên sinh?

Luận: “Đáng lẽ hai phần”, đến “đáng lẽ không có hai phần”.

Thuật rằng: Đây là vấn nạn thứ ba. Chỗ chấp hai phần không huân thành chủng tử, vì là Vô pháp, như gái đá, tức là các thứ sau đáng lẽ không có hai phần. Nhưng chỗ chấp của nó, chỗ có chủng tử của hai phần khi sinh thì chỉ có tự chứng hiện hành là Y tha khởi. Chủng tử sinh hai phần thì liền thành kế sở chấp, cho nên đặt thành vấn nạn này. Nếu không như thế thì văn này đuổi theo nghĩa khác, không phải cực thành.

Luận: “Lại nữa, các tập khí”, đến “năng tác nhân duyên”.

Thuật rằng: Đây là vấn nạn thứ tư. Hữu lậu tập khí là Tướng phần của thức, Tướng phần đã không phải có, lẽ nào pháp năng tác nhân duyên của thể không phải có? Giả pháp thì giống như nhân duyên, ông chấp thể của Tướng phần không phải có, đó là chấp chủng tử không phải thật có thể, tự chứng phần khởi duyên cũng vẫn không phải Tướng phần. Hiện tại luận này nói hai chữ “tự tông” là Tướng phần nhiếp cho nên đặt thành vấn nạn này.

Luận: “Hoặc sở sinh của duyên”, đến “không khác với nhân”.

Thuật rằng: Đây là vấn nạn thứ năm. Từ sở sinh của duyên không lia hai phần trong thức thì không phải Y tha khởi. Sở y của hai phần y vào tha mà khởi thể của thức, đặt ví dụ cũng như vậy. Không khác với sở y, bỉ thử có thể riêng khác. Nếu hai phần ngoài tâm không phải nhân duyên sinh thì có thể không phải Y tha khởi, nhưng sự này kế chấp chủng tử năng sinh có hai thứ. Năng sinh và sở sinh hiện hành cùng với kế sở chấp, cho nên lấy tự thể làm ví dụ. Ví dụ đó nên lập lượng rằng: Hai phần sở sinh của nhân duyên là Y tha khởi, vì chủng tử của nhân duyên sinh, như Tự chứng phần. Lại nữa, chỉ có Tự chứng phần thì do duyên gì làm chứng tự chứng, duyên gì làm chủng tử, lẽ nào trong một tâm mà cũng là cũng là lượng phi lượng? Vì đặc tự duyên thừa nhận có Kiến phần thì không có lỗi này. Nếu lập thêm phần thì Tự chứng phần thứ nhất không do từ duyên bên trong mà cũng thuộc Kiến phần.

Luận: “Do lý thú này”, đến “đều là Y tha khởi”.

Thuật rằng: Đây là kết chánh. Giải thích hai câu làm hai tánh, hoặc làm tánh thứ nhất cùng với Y tha khởi hợp chung làm môn, đây là sư thứ nhất tổng kết. Hoặc phân làm ba tánh, mỗi mỗi đều thuyết minh

riêng.

Từ đây trở xuống giải thích Y tha, do lý thú nhiều duyên sinh thể của tâm tâm sở này, cùng với Tướng phần và Kiến phần, dị sinh Nhị thừa Hữu lậu Vô lậu đều là Y tha khởi, khéo thuận với Thánh giáo, vì không trái lý.

Giải thích câu thứ nhất của tụng thứ hai và thể tánh của kế sở chấp không phải có, hỏi đáp về tướng của nó. Hai sư nói Hữu thể và Vô thể, rộng và hẹp không đồng. Phân rõ hai tánh, đáp riêng câu hỏi thứ hai. Tổng là nói rộng bài tụng thứ nhất đã xong, đồng thời giải thích câu thứ nhất của tụng thứ hai, do đó kết đoạn văn trên mà kiêm phát sinh đoạn văn dưới.

Từ đây xuống là giải thích câu thứ hai của bài tụng thứ hai.

Luận: “Nhiều duyên của Y tha mà được khởi”.

Thuật rằng: Ba chữ duyên sở sinh trong giải thích tụng, là giải thích nghĩa Y tha.

Luận: “Tụng nói phân biệt”, đến “cũng là Viên thành”.

Thuật rằng: Giải thích hai chữ phân biệt chỉ câu thúc trong Hữu lậu, đồng thời hiển lý do tại sao không nói tịnh phần. Hoặc từ bên dưới giải thích câu thứ hai, từ đây trở lên là giải thích chung câu thứ nhất. Hiện tại trong tụng này, nên biết rằng còn nói nhiệm phần Y tha, nói rằng pháp phân biệt là chỗ sinh của nhân duyên. Các pháp tạp nhiễm gọi là phân biệt, vì chỗ sinh của nhân duyên Y tha, hoặc nhiễm Y tha làm chỗ sinh của duyên phân biệt, vì chỉ có tạp nhiễm. Y tha trong đây chỉ nói về nhiễm phần, tịnh phần Y tha cũng là Viên thành, là hiển thông hai tánh, thuyết minh tịnh Y tha không gọi là phân biệt vì nhiễm Y tha khởi thì chỉ có Y tha, là hiển trong tụng này chỉ thuyết minh về nhiễm phần.

Luận: “Hoặc các nhiễm tịnh”, đến “thuộc về Y tha khởi”.

Thuật rằng: Phần thứ hai lại giải thích nữa. Hoặc các tâm pháp tâm sở nhiễm và tịnh đều gọi là phân biệt, vì là năng duyên lự. Trong đó nói chung, do không phải tịnh cho nên không phải duyên lự. Nói năng duyên, đó là tất cả nhiễm y tha và tịnh y tha, là Y tha khởi nhiếp trong tụng này, đều gọi là phân biệt.

Hỏi: Nếu như thế thì nhiễm sắc, tịnh sắc và Bất tương ưng đáng lẽ không phải Y tha khởi trong đây nhiếp, vì không phải năng duyên lự và không phải thuộc về Y tha?

Đáp: Không đúng, khi nói các tâm thì các pháp nhiễm tịnh đó cũng thuộc về Y tha khởi này, vì không lìa tâm, vì Duy thức môn.

Hỏi: Nếu như thế tại sao đưa ra hai chữ năng duyên?

Đáp: Hiển tâm năng duyên khắp các nhiễm tịnh đều gọi là phân biệt, vì gồm cả năng lực, không phải hai chữ duyên lực lựa riêng với các sắc. Các sắc tuy không phải năng duyên, nhưng không lìa tâm, cho nên cũng thuộc về Y tha khởi này.

Tiếp theo dưới đây giải thích tánh Viên thành thật, trước hết giải thích câu thứ ba của tụng thứ hai.

Luận: “Chỗ hiển của hai Không”, đến “gọi là Viên thành thật”.

Thuật rằng: Y theo chỗ hiển chân lý của hai Không môn thì phải có đủ ba nghĩa, một là viên mãn, hai là thành tựu, ba là pháp thật tánh, mới gọi là Viên thành thật. Vì sao Chân như có đủ ba nghĩa này?

Luận: “Hiển thể của biến và thường này là Phi hư ngụy”.

Thuật rằng: Do Chân như này:

1. Thể biến, vì không chỗ nào không có, tức là nghĩa viên mãn.
2. Thể thường, vì không phải sinh diệt, tức là nghĩa thành tựu.
3. Thể phi hư ngụy, vì Chân lý của các pháp và thật tánh của các pháp, tức là chữ thể này thông suốt ba xứ, vì luận sơ lược cho nên chỉ thông với thường và biến trên.

Còn nói thường biến là muốn hiển nghĩa gì?

Luận: “Lựa riêng với tự cộng tướng hư không ngã”.

Thuật rằng: Chữ biến là lựa riêng với tự tướng, vì tự tướng của các pháp bị câu thúc với pháp thể, không thông với các pháp khác, nếu thông với các pháp khác thì liền thành Phi tự tướng, cho nên chỉ có Chân như là có thể khắp các pháp. Chữ “thường” là hiển nghĩa gì? Chữ thường là lựa riêng với cộng tướng. Các pháp Vô thường, Không và Vô ngã, tuy khắp các pháp nhưng thể không phải thật có, là các pháp trên không có thể không có dụng gọi là Không và Vô ngã, không phải có thật thể thông suốt các pháp, chỉ có quán tâm không có thể cộng tướng, đã nói như trước. Đã như thế thì không nên nói thể tánh kia là thường pháp, cho nên nói Chân như là thường để lựa riêng với cộng tướng kia. Lại nữa, ba chữ “phi hư ngụy” có ý hiển nghĩa gì? Phi hư ngụy là lựa riêng với hư không và ngã. Tiểu thừa và ngoại đạo chấp hư không và ngã cũng là thể cũng là thường, có thể khắp các pháp, nói thường biến đó là hư ngụy, không phải thật tánh của các pháp, cho nên chữ “phi hư” là lựa riêng với dị hư không, chữ phi ngụy lựa riêng với ngã, vì đồng với vọng chấp. Lại nữa, chữ “đẳng” là chỉ cho đồng lấy đại hữu, hòa hợp của các sự Vệ thế và tự tánh của Tăng-khư, tuy các bộ đó cho là biến nhưng thể cũng là thường. Hiện tại luận này nói thể đó là tánh hư ngụy,

không phải quyết định có thể, cho nên nói trong luận có chữ “đẳng” tức là chỉ có Chân như mới có đủ ba nghĩa. Chữ “Viên thành thật” thì phối hợp thuộc thể đó.

Hỏi: Nếu như thế thì thể tịnh phần Y tha không phải là thường và biến, tại sao cũng thuộc về Viên thành thật?

Luận: “Vô lậu Hữu vi”, đến “cũng được tên này”.

Thuật rằng: Tịnh phần Hữu vi cũng có đủ ba nghĩa:

1. Ly đảo, vì thể không phải nhiễm, đó là nghĩa thật.
2. Cứu cánh, vì gia hạnh thiện của pháp Hữu lậu không thể đoạn hoặc, không phải cứu cánh. Thể của các pháp Vô lậu là Vô lậu, có thể đoạn các nhiễm rốt ráo, đó là nghĩa Thành.
3. Dụng thù thắng chu biến, vì có thể đoạn khắp tất cả pháp nhiễm, duyên khắp các cảnh, duyên khắp Chân như, cho nên nói thứ ba là dụng thù thắng chu biến, đó là nghĩa Viên.

Do đủ ba nghĩa đồng với Chân như, cho nên tịnh Y tha cũng được gọi là tánh Viên thành thật. Trong cựu luận Trung Biên cũng ghi: “Vô vi thì vô biến vô đảo thành tựu nhập chân thật tánh”. Tất cả Hữu vi đều là đạo nhiếp, không có điên đảo thành tựu, vì không có điên đảo trong phẩm loại cảnh giới cho nên được nhập chân thật tánh. Vô biến là nghĩa thường, vô điên đảo là nghĩa Phi hư ngụy. Thành tựu là nghĩa biến. Do ba nghĩa trên mà Chân như gọi là thành thật. Tịnh phần Y tha chỉ có thể khắp, đều không có điên đảo, chỉ là nghĩa thứ nhất và thứ ba trong đây. Nghĩa vô cứu cánh, tân dịch luận Trung Biên quyển 2 ghi: “Chân như Niết-bàn không có biến đổi, cho nên gọi là Viên thành thật. Hữu vi tổng nhiếp tất cả Thánh đạo, đối với cảnh không có điên đảo cho nên cũng gọi là Viên thành thật”. Hợp chung hai thứ này lại thì chỉ có hai nghĩa thứ nhất và thứ ba trong đây. Nhiếp luận quyển 4 ghi: “Duyên gì gọi là Viên thành thật? Do không có biến dị”, tức là nghĩa thường ở đây. Sở duyên của thanh tịnh tức là nghĩa biến ở đây. Tánh tối thắng của tất cả pháp thiện là Phi hư ngụy này. Thật tánh của các pháp, trong luận Trung Biên kia chỉ coi là Chân như tánh Viên thành thật, không phải tịnh Y tha cũng nhiếp trong tánh Viên thành thật, vì nghĩa không đủ. Trong đây nghĩa nhiếp chung đều đồng nhau.

Luận: “Hiện tại trong đây nói sơ không phải hậu”.

Thuật rằng: Tuy các pháp tịnh phần của Vô vi và Hữu vi đều là Viên thành thật, nhưng trong tụng này nói Chân như đầu gọi là Viên thành thật, không phải tịnh phần sau, vì không thể lựa riêng với ba nghĩa thù thắng của tự tướng và cộng tướng. Tịnh phần Y tha, một là

không phải chỗ chứng, hai là không phải pháp tánh, cho nên trong luận này nói trước không phải sau. Đây là giải thích ba chữ “Viên thành thật” trong câu thứ ba. Tiếp theo giải thích “đối với nó” và câu thứ tư. Phần đầu giải thích chung, phần sau là giải thích riêng.

Luận: “Thử là đối với bỉ”, đến “Chân như làm tánh”.

Thuật rằng: Đây là giải thích chung. Viên thành thật này, đối với chỗ nói ở trước về Y tha khởi kia, trong tất cả thời thường không có Biến kế sở chấp thứ nhất. Thường nghĩa là hằng, nghĩa là tất cả thời, nghịch với nghĩa là Không và nghĩa là lỗi, là chỗ chấp làm ban đầu của ba tánh, cho nên gọi là tiền. Đây là Viên thành thật trên Y tha khởi không có kế sở chấp, hai ngã đã Không, y theo chỗ hiển Chân như của Không môn mà làm tự tánh của nó. Tiếng Phạm là Thuấn-nhã, Hán dịch là Không; Thuấn-nhã-đa, Hán dịch là Không tánh. Như gọi Không tánh mà không gọi là Không, cho nên y theo Không môn mà hiển tánh này, tức Viên thành thật là chỗ hiển của Không, là phỏng theo biểu thuyên để hiển Viên thành thật.

Hỏi: Không làm môn, là trí làm Không hay Không làm dị trí?

Đáp: Không là cảnh của trí, thể của Không không phải trí, khi trí duyên cái Không đó, là hiển Chân như này.

Luận: “Nói hai chữ đối với bỉ”, đến “chẳng tức chẳng là”.

Thuật rằng: Dưới đây đặt nặng giải thích chữ “đối với bỉ”, tức là phỏng theo giá thuyên để hiển Viên thành thật. Câu thứ ba của tụng nói đối với bỉ là hiển Viên thành thật này cùng với Y tha chẳng tức chẳng là. Y tha là sở đối với, Chân như là năng đối với, không phải ngay một pháp mà có sở đối với và năng đối với, hiển Chân như và Y tha không phải tức là nhau. Nếu là tức thì Chân như đáng lẽ bị diệt mất, Y tha thì đáng lẽ không sinh. Nói không là thì ngay trên Y tha có Chân như, đối với bỉ không thể nói là. Nếu nói hoàn toàn là thì đáng lẽ Chân như không phải tánh của Y tha kia, nếu là Y tha thì riêng có Chân như tánh, tại sao nói đối với bỉ? Cho nên hai chữ đối với bỉ là hiển chẳng tức chẳng là. Trong đây chỉ có hữu và không, đối với bỉ cũng có thử.

Luận: “Ba chữ thường viễn ly”, đến “lý là hằng chẳng phải có”.

Thuật rằng: Đây là giải thích ba chữ “thường viễn ly” của câu thứ tư. Nói rằng Biến kế sở chấp là vọng sở chấp, đây không phải là tạm thời không có mà là hằng thời không có, cho nên gọi là thường, thể này là chẳng phải có cho nên gọi là viễn ly. Đã viễn ly thì không có kế sở chấp, lại đưa ra chữ “trước”, điều này có dụng ý gì?

Luận: “Nghĩa của chữ ‘trước’ là hiển chẳng phải Không y tha”.

Thuật rằng: Y tha của Biến kế sở chấp nói ở trước. Chữ Không này đối với sở chấp, không phải Không này đối với Y tha.

Chữ “trước” là hiển trong tụng này chỉ nói thường viễn ly Biến kế sở chấp trước, đã không có kế sở chấp mà lại nói tánh thì đây có dụng ý gì?

Luận: “Tánh là hiển hai Không”, đến “vì lia Vô tánh”.

Thuật rằng: Ý muốn nói Chân như là tánh của Không, không phải tức là Không, vì Không là nguyên nhân mà Chân như mới hiển được. Thể của Chân như là Không thì cũng đâu có hại gì! Chân như lia hữu tướng và lia vô tướng. Nếu nói đối với Không tuy lia hữu tướng, không phải lia Không tướng, cho nên chữ Không ở đây không phải là thể của Chân như cho nên đưa ra chữ “tánh” có ứng dụng sâu xa. Chân như lia Không gọi là Không tánh, Chân như lia Hữu gọi là Hữu tánh, bệnh chấp phần nhiều khởi Hữu cho nên chỉ nói Không môn, hoặc bệnh chấp Không phát sinh thì cũng lập ra Hữu tánh, ý này là tổng hiển tánh Viên thành thật trên Y tha không có tánh sở hiển của chỗ chấp ở trước, cho nên giá môn và biểu môn đều có lý do. Đây là giải thích hai câu cuối của tụng thứ hai đã xong. Tuy hai tụng không đồng, thuyết minh ba tánh thể đã xong.

Dưới đây thuyết minh Dị tướng và Bất dị tướng của ba tánh, tức là tụng thứ ba. Trong đó có ba phần:

1. Giải thích pháp.
2. Giải thích dụ.
3. Tổng kết.

Luận: “Do lý trước”, đến “đáng lẽ là vô thường”.

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích ba câu đầu trong tụng thứ ba. Đây là cùng với Y tha khởi không phải dị không phải bất dị, trong Nhiếp luận đều đối với ba tánh thuyết minh dị và bất dị, trong đây thì chỉ đối với Y tha khởi mà lấy hữu pháp tương đối của hai tánh này, không phải đối với kế sở chấp mà lấy Vô thể, cho nên chỉ có đối với hai tánh. Trong đây luận nói do lý của chẳng tức chẳng lia trước, nếu Y tha khởi cùng với nó quyết định khác nhau thì Chân như đáng lẽ không phải Thật tánh của nó, đã cùng với nó khác nhau cho nên không phải tánh của nó. Nếu hoàn toàn không khác nhau thì Chân như tánh này đáng lẽ là vô thường, Y tha không phải thường vì đây kia đồng nhau.

Luận: “Bỉ thử đều đáng lẽ là”, đến “dụng đáng lẽ không khác”.

Thuật rằng: Lại nữa, giải thích nghĩa của chữ “một”. Y tha bỉ và Chân như thử đã là một thể thì đều đáng lẽ là tịnh cảnh và Phi tịnh cảnh,

vì là một thể. Luận Trung Biên quyển 1 ghi: “Không có hai thứ hữu và vô, chẳng phải có cũng chẳng phải không, phi khác cũng chẳng phải một”. Đó là nói Không tướng, chính là đồng với luận này. Quyển 74 ghi: “Chỉ có cảnh của Chân như thánh trí này, nương theo pháp khác mà khởi phàm cảnh và Thánh trí cảnh”. Lại nữa, thể của Y tha cảnh là bất tịnh, thể của Chân như cảnh là tịnh, hai tánh đã là một thì thể của Y tha cảnh kia đáng lẽ cũng tịnh, Chân như cảnh đáng lẽ cũng bất tịnh. Lại nữa, Y tha đã thông với phàm cảnh và thánh cảnh thì Chân như đáng lẽ cũng như thế. Đã như thế thì tức là căn bản trí vô phân biệt, cùng với Hậu đắc trí đáng lẽ không khác thể. Bốn trí vốn duyên Chân như, cũng duyên Y tha. Hậu đắc trí duyên Y tha, cũng duyên Chân như. Đây là phỏng theo Kiến phần đặt làm vấn nạn, cho nên hai tánh không khác nhau. Nhiếp luận ghi: “Do chủng tử của Y tha sinh thành Y tha, vì do Biến kế sở chấp duyên tướng”. Chỗ Biến kế của Biến kế, do đó thành Biến kế sở chấp, do tức là tự tánh này mà thành Viên thành thật. Vì sở biến kế của Chân như không có như vậy cho nên ba tánh là phi dị và phi bất dị. Thế Thân nói: Ý thức là Biến kế thì Y tha khởi này làm năng sinh Biến kế của cảnh tánh sở thủ sở duyên, do đó cũng gọi là Biến kế sở chấp, tức là Y tha khởi làm cảnh sinh tâm Biến kế, nghĩa là tánh kế sở chấp, đó là giải thích sở duyên tướng của Biến kế, vì là sở biến kế, tức là Ý thức đó gọi là Biến kế, duyên tướng mạo kia mà làm cảnh sở thủ làm sở biến kế. Do đó Y tha này cũng gọi là tánh kế sở chấp. Nói rằng Y tha khởi là cảnh sở duyên của tâm kế chấp, cũng gọi là kế sở chấp. Cái trước thì làm cảnh năng sinh kế tâm gọi là kế sở chấp, cái sau làm sở duyên của kế tâm cho nên gọi là kế sở chấp. Giải thích chung luận này là nghĩa chữ “một”. Luận Vô Tánh ghi: “Phi dị, là Y tha khởi thì có, kế sở chấp thì không”. Có vọng chấp đối với hữu được gọi là dị, có vọng chấp đối với chẳng phải có thì không được gọi là dị, vì chẳng phải có kia đã là vô thì vọng chấp cái gì để làm dị? Phi bất dị, là hữu và chẳng phải có không thành nhất, vì y tha thì bất tịnh, Viên thành thật thì tịnh, cho nên ba tánh kia là phi dị và phi bất dị. Đây là một giải thích. Lại nữa, do Y tha là Biến kế sở chấp và sở y chỉ của ngã và sắc thì Y tha khởi gọi là kế sở chấp, vì sở duyên tướng của Biến kế, tức là Y tha làm sở y của kế sở chấp, gọi là kế sở chấp. Giải thích này cùng với giải thích trước của thế thân khác nhau. Lại nữa, Y tha khởi là Ý thức Biến kế và sở biến kế của ngã và sắc, tức là Y tha khởi làm sở kế chấp của năng biến kế gọi là kế sở chấp. Luận kia nói rằng do ý thú này mà giả thuyết Y tha làm kế sở chấp. Đây là giải thích hai câu trên của tụng thứ

ba, kể sở chấp này cùng với Y tha không phải nhất không phải dị đã nói xong. Dưới đây là giải thích lần lượt câu thứ ba.

Luận: “Tại sao hai tánh là phi dị và phi bất dị?”

Thuật rằng: Đây là hỏi về ví dụ.

Luận: “Như tánh của vô thường Vô ngã kia”.

Thuật rằng: Tụng nói như tánh của vô thường, đồng lấy Vô ngã và Không, cho nên sau chữ Vô ngã có chữ “vân vân”.

Luận: “Tánh của vô thường...”, đến “không phải cộng tướng kia”.

Thuật rằng: Nếu quyết định là dị thì hành pháp kia không phải vô thường..., như màu xanh không phải màu vàng, vì là khác nhau. Nếu hoa đốm trong hư không toàn dị thì các vô thường này đáng lẽ không phải cộng tướng của các hành kia, như cộng tướng của sắc và Phi sắc cùng với sắc không khác nhau.

Luận: “Do ví dụ này hiển thị”, đến “tương đối mà có”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết đoạn văn trên. Do đạo lý này mà hai tánh không phải nhất và dị, các pháp cùng với lý của pháp tánh chắc chắn cũng vậy. Y tha là pháp, pháp tánh như vậy thì đạo lý đáng lẽ cũng như thế. Tại sao vậy? Vì Thắng nghĩa và Thế tục tương đối nhau. Nói rằng nếu có tục lý thì phải có Chân lý, nếu không có chân thì tương đối với pháp gì để làm tục, không phải lông rùa mong sừng hổ mà có thể nói nhất và dị, vì thế là vô! Nếu có Chân thì lý chắc chắn phải có tục, nếu không có tục thì tương đối với pháp gì để làm chân! Do đạo lý này mà ba chân ở trước cũng gọi là tục, vì chân ở trong tục, cho nên ba tục sau cũng gọi là chân, vì tục trong chân. Như lý thù thắng này mà hai tánh kia phi dị và phi nhất. Tiếp theo đoạn thứ ba, giải thích câu thứ tư “không phải không thấy thử bỉ”.

Luận: “Không phải không chứng kiến”, đến “tánh Y tha khởi”.

Thuật rằng: Văn dưới đây có hai đoạn: một là chung, hai là riêng.

Đây là phần đầu. Luận này nói kiến, không phải nói rằng mắt thấy, mà Ý thức so sánh thấy, chỉ là Vô lậu thân cận chứng kiến. Kiến có nghĩa là gần với chỗ đặc mà tuệ của bậc Thánh chứng kiến. Không phải không thấy thử, vì thử thử Viên thành thật mà có thể thấy bỉ bỉ Y tha khởi, tức là nghĩa của một chữ kiến này thông với hai tánh, ngầm hợp với lời nói khéo. Luận chỉ nói “không phải không thấy thử bỉ” là phải đạt đến Chân lý mới hiểu rõ Y tha, lẽ nào nói Y tha là cảnh của phàm phu! Vì sự hiển hiện trên tâm tuy không đạt rõ nhưng thân cận

với sở thủ, hoặc luận đạt rõ chỉ có Thánh không phải phàm phu, hoặc thân cận mà làm cảnh của phàm phu cũng được, cho nên nói bỉ thử cũng không có lỗi tương vi. Như trên đời có người thân cận thấy một vật, nhưng không thể nhận ra là gì, cảnh của phàm phu cũng vậy.

Luận: “Chưa đạt Biến kế”, đến “Y tha là có”.

Thuật rằng: Giải thích lý do này có hai phần: một là giải thích, hai là kết thành.

Đây là giải thích. Giai vị của các Địa tiền chưa đạt đến tánh thể của Biến kế sở chấp là trống rỗng không có, rốt cuộc không hiểu biết như thật về Y tha là có, sức lực của chỗ vọng chấp che lấp Y tha của nó, trừ khi nó che lấp mà Y tha tự hiện thì chỗ vọng chấp không có. Y theo vô môn này mà chứng Viên thành thật thì liền hiểu rõ Y tha. Hiện tại từ chỗ nói của vô môn, cho nên nói hiểu rõ sở chấp không mà biết Y tha hữu, đó là giải thích. Lại nữa, trí vô phân biệt nếu không trước hết đạt rõ chỗ chấp diệu lý của tánh Không Chân như thì Hậu đắc trí đó rốt cuộc không thật sự hiểu biết Y tha là có, để hiển trí vô phân biệt chứng hai tánh.

Hỏi: Đã phải biết lý chân mới hiểu rõ sự tục, là đồng thời hay là sau.

Luận: “Trí vô phân biệt”, đến “như các huyễn sự”.

Thuật rằng: Trước hết chứng Chân như thì đã ở trong Hậu đắc trí mới có thể hiểu rõ tánh Y tha như tám ví dụ huyễn sự, dương viêm..., không phải sơ kiến vị trong một lúc mà thấy cả hai. Sau Địa thứ năm và Phật thì mới có thể như thế, đến sau sẽ biết.

Luận: “Tuy vô tử đến nay”, đến “hư vọng biến hiện”.

Thuật rằng: Dưới đây là làm thành lý trên. Tâm và pháp tâm sở của tất cả dị sinh, đã có thể duyên với tự tướng và Kiến phần, tuy thân cận đắc Y tha, do ngã chấp và pháp chấp hằng đồng thời khởi mà không biết tự tâm và tâm sở hư vọng hiển hiện, do đó không thể hiểu rõ Y tha cho đến tám ví dụ, cũng duyên tự thân chứng tự chứng phần, chứng tự chứng phần cũng duyên tự tự chứng, cho nên nói duyên với tự tướng và Kiến phần. Do tâm ba tánh của Thức thứ bảy ngã chấp và pháp chấp hằng đồng thời hiện hành mà không biết như thật về tự tâm hư vọng như các huyễn sự.

Luận: “Cũng như huyễn sự”, đến “chẳng phải có và tự hữu”.

Thuật rằng: Đây là hiển Y tha không phải chân thật có và ví dụ để làm thành. Như Đại Bát-nhã nói rộng về tướng đó. Luận Nhiếp Đại thừa ghi: “Tại sao vô nghĩa mà làm thành cảnh giới của sở hành? Vì trừ

bỏ nghi ngờ này mà nói ví dụ huyền sự. Tại sao không có nghĩa tâm và tâm sở chuyển? Là ở đây nói ví dụ ánh lửa. Tại sao không có nghĩa thọ dụng sai biệt của ái và phi ái? Là ở đây nói thí dụ cảnh mộng. Tại sao không có nghĩa sinh quả sai biệt của tịnh nghiệp, bất tịnh nghiệp, ái và phi ái? Là ở đây nói ví dụ ảnh trong gương, luận kia thì nói ảnh tượng. Tại sao không có nghĩa tướng chuyển của chủng chủng ngôn thuyết hý luận? Là ở đây nói ví dụ tiếng vang trong hang. Tại sao không có nghĩa mà thật có nắm lấy sở hành cảnh chuyển của các Tam-ma-địa? Là ở đây nói ví dụ nước và trăng. Tại sao không có nghĩa mà có vô điền đảo tâm của các Bồ-tát, để phân rõ các sự lợi lạc của chư hữu tình do đó mà tư và thọ tâm sở sinh? Là ở đây nói ví dụ biến hóa. Luận Vô Tánh quyển 5 của Thế Thân đều có giải thích rộng, không thể phiên dẫn ra. Trong luận Trung Biên cũng có tám dụ để ví dụ về kế sở chấp, như các tổng hợp sao chép kia, để hiển tánh Y tha mà ví dụ như tám dụ này. Thế không thật có là hư vọng mà có, tướng tợ chân của nó mà có cho nên nói Y tha chẳng phải có và tợ hữu.

Luận: “Y theo nghĩa như vậy”, đến “tuy hữu mà phi chân”.

Thuật rằng: Đây là bài tụng trong kinh Hậu Nghiêm. Tuy Y tha thì có nhưng không phải chân thật có, phải thấy chân, sau đó mới thấy Y tha, cùng với văn Trường hàng đồng. Đoạn văn trên đây, nên biết nghĩa đó làm chuẩn. Tổng là giải thích riêng ba bài tụng đã xong. Đoạn văn thứ hai dưới đây tổng giải thích ý của ba bài tụng đó, trong đó có ba phần là chung, riêng và tổng kết.

Luận: “Trong đây có ý nói”, đến “tâm và pháp tâm sở”.

Thuật rằng: Đây là phần chung.

Luận: “Nói rằng tâm tâm sở”, đến “tánh Y tha khởi”.

Thuật rằng: Đây là phần riêng. Nói tâm và tâm sở tức là tự chứng phần và sở biến hiện, tức là Tướng phần và Kiến phần, nhiều duyên sinh như các huyền sự, không phải có mà tợ như có cuồng hoặc ngu phu, các ngu phu không hiểu rõ cho là thật có, cho nên gọi là cuồng ngu, gọi là tánh Y tha.

Luận: “Ngu phu đối với điều này”, đến “Biến kế sở chấp”.

Thuật rằng: Đối với Y tha này, chấp bướng ngã pháp hoặc hữu hoặc vô, hoặc câu hoặc bất câu. Hiện tại luận này hữu vô và một khác làm đầu, câu và bất câu thông với hai xứ. Đẳng có nghĩa là chỉ cho tất cả các thứ chấp, nhưng chấp và sở chấp như hoa đốm trong hư không, hoặc tánh hoặc tướng không có phần ít là hữu, chỗ không có của tất cả bộ là Biến kế sở chấp. Biến kế sở chấp này cũng y theo Viên thành mà

khởi, trong đây chỉ nói y theo Y tha, vì Tướng phần ảnh tượng của tâm là tánh Y tha, y theo đây mà chấp làm Viên thành thật, từ Viên thành thật mà nói thì chỉ nói là Y tha. Lại nữa, Y tha khởi là An túc xứ, chút ít có thể nói năng và nghĩ bàn, nhưng chấp Y tha và Viên thành thì không như thế, cho nên không nói. Viên thành thật cũng là Y tha khởi chấp, như vô thường, Vô ngã, Vô lạc tịnh của Nhị thừa.

Luận: “Trên Y tha khởi”, đến “gọi là Viên thành thật”.

Thuật rằng: Đối với chỗ vọng chấp ngã pháp đều Không của Y tha khởi kia thì chỗ hiển thức và tâm sở của Không này thì Chân tánh của tất cả Tướng phần gọi là Viên thành thật.

Luận: “Do đó ba tánh này không lìa tâm”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết. Do đó ba tánh này không lìa tâm, tâm sở và Tướng phần. Đây là giải thích sơ lược thể tướng của ba tánh. Từ trên đến đây, thứ nhất là giải thích rộng ba tánh, thứ hai là sơ lược ba tánh đã nói xong.

Luận: “Hư không trạch diệt”, đến “tánh nào nhiếp?”

Thuật rằng: Dưới đây là các môn giải thích, trong đó có hai phần:

1. Dùng mười môn phân rõ.
2. Tổng chỉ ví dụ.

Hiện tại là hỏi đáp riêng cho nên thành mười một môn, trong các môn kỹ lưỡng rất nhiều.

Đây là thứ nhất, trong luận có ý hỏi: Như Vô lậu Hữu vi có đủ hai nghĩa, Y tha và Viên thành thật là chỗ nhiếp của hai tánh, còn trạch diệt, Bất động diệt và tướng thọ diệt có nói thuộc về Vô lậu, có luận cũng nói Khổ đế... nhiếp, những pháp này đối với ba tánh thì tánh nào nhiếp?

Luận: “Ba tánh đều nhiếp được”.

Thuật rằng: Đây là đáp chung sơ lược.

Luận: “Các tâm biến tướng tự”, đến “Viên thành thật nhiếp”.

Thuật rằng: Như luận nói có thể biết, tức là hiển các luận nói Vô lậu, là tâm Vô lậu biến hiện. Nói Khổ đế... nhiếp, là tâm Hữu lậu biến hiện cũng không trái nhau, vì đã nói các khổ. Nói tâm sở biến hiện, là Y tha khởi nhiếp, điều này chỉ có quyết định. Không nhiều chấp Không mà cảm chiêu sinh tử. Lược bỏ không nói Tập đế, vì lý cũng là Tập đế nhiếp. Cái chấp của Bất thiện tâm, như Thắng luận... các luận này nói phần nhiều cho nên thuộc Khổ đế nhiếp. Để hiển nghĩa này, nhân đó mà tường thuật. Từ trên đến đây, chỗ nói nghĩa của Y tha cũng không

nhất định, cho nên dưới đây luận nói tiếp.

Luận: “Tâm Hữu lậu...”, đến “Viên thành thật”.

Thuật rằng: Tâm Hữu lậu và sở biến Không, quyết định thuộc Y tha, vì Tướng phần và Kiến phần chắc chắn đồng với tánh của Hữu lậu và Vô lậu, chỉ có Y tha khởi. Tâm Vô lậu và sở biến Không thì được hai tánh nhiếp, vì có duyên khởi cho nên không có lý nghịch đảo, tức là do thể của hai trùng ba tánh khác nhau, cho nên nhiếp không đồng. Hoặc nói Không là Vô lậu thì được hai tánh nhiếp, vì thể không nhất định. Khổ đế... nhiếp thì chỉ là Y tha khởi, vì thể là quyết định. Đây là chỉ phân riêng Hữu thể và giả không, không phải kể sở chấp, vì kể sở chấp không có thể.

Luận: “Ba tánh như vậy”, đến “nhiếp nhau thế nào?”

Thuật rằng:

Đây là thứ hai bảy tướng Chân như nhiếp. Như Giải Thâm Mật, quyển 77, luận Hiển Dương, luận Trung Biên và luận Phật Địa quyển 7 nói rộng Chân như có các môn giải thích. Cựu Trung Biên ghi: “Chân như là sự phân phá chân thật”. Tân Trung Biên thì ghi: “Sai biệt chân thật làm bảy thứ là từ năng thuyên mà nói, không phải thể của Chân có thể thể gọi là sai biệt”. Trong luận phần đầu là hỏi, phần sau là đáp. Đây là hỏi, trong phần đáp dưới đây trước hết nêu ra bảy thể, sau đó phân rõ nhiếp nhau.

Luận: “Bảy Chân như là”, đến “lưu chuyển thật tánh”.

Thuật rằng: Tánh sinh diệt của tất cả pháp Hữu vi, tánh đó là Chân như, phỏng theo thuyên môn thì gọi là sinh diệt; nói tánh tức là Chân như của nó, là phỏng theo thuyên môn mà nói. Dưới đây căn cứ theo đó sẽ hiểu. Cựu Trung Biên gọi đó là sinh khởi chân thật, tân Trung Biên thì không đồng, sau đây sẽ biết. Quyển 77 và luận Hiển Dương chỉ giải thích Chân như của duyên khởi pháp, trong luận này thì nói chung tất cả pháp Hữu vi. Luận kia căn cứ theo nội pháp căn bản lưu chuyển mà chỉ nói duyên khởi, trong luận này thì nói chung thể của tất cả pháp, cũng không trái nhau.

Luận: “Chân như của hai thật tướng”, đến “chỗ hiển thật tánh”.

Thuật rằng: Nhân theo chỗ hiển Chân như tánh của hai Không môn, quyển 77 nói tức là ngã pháp không. Ba chữ ngã pháp tánh, là tánh của ngã pháp không tức là ngã pháp, vì ngã và pháp không có. Luận Hiển Dương và Trung luận cũng đồng ý này. Từ đây trở xuống có chỗ đồng nhau không phiền dẫn ra. Dưới đây căn cứ theo đó mà biết. Cựu Trung Biên thì gọi là tướng chân thật.

Luận: “Ba là Duy thức Chân như”, đến “Duy thức thật tánh”.

Thuật rằng: Luận Hiển Dương ghi: “Tâm nhiễm thì chúng sinh nhiễm, tâm tịnh thì chúng sinh tịnh”. Thấy Chân của Như thức thì có thể biết tâm nhiễm tịnh này, phỏng theo thuyên môn thì tức là Y tha, căn cứ theo lý thì tức là Chân như. Quyển 77 thì gọi đó là liễu biệt Chân như, là thức liễu biệt.

Luận: “Bốn là an lập Chân như”, đến “là thật tánh của đạo”.

Thuật rằng: Thứ tư dưới đây là bốn Thánh đế. Cựu Trung Biên ghi: “Y xứ, tà hạnh, thanh tịnh và chánh hạnh chân thật gọi là dị”. Tân Trung Biên thì gọi là thể cùng với Chân như đồng, các văn không khác nhau. Đây là phỏng theo nghĩa của thuyên môn mà nói bảy Chân như. Phế bỏ thuyên môn bàn về thể tức là duy nhất Chân như. Quyển 77 ghi: “Do ba Chân như của lưu chuyển, an lập và tà hạnh, mà tất cả hữu tình đều bình đẳng”. Đây là phỏng theo gọi hữu tình trừ Phật ra. Phần thứ ba trước nói rằng Phật không hữu tình cho nên không nói Phật không có khổ và tập. Luận Hiển Dương lại ghi: “Thật tánh vô tử lưu chuyển”, tức là duyên sinh cho nên Chân như của lưu chuyển cũng không phải Phật có. Lại nữa, nói tất cả Hữu vi đều là lưu chuyển, nhưng thể pháp thân của Phật lia sinh diệt thì cũng không có lưu chuyển. Lại nữa, Chân như của lưu chuyển tuy thông với pháp Hữu vi, nhưng phỏng theo Hữu lậu cho nên Phật nói không có. Do hai Chân như của thật tướng và liễu biệt mà tất cả các pháp đều bình đẳng và bình đẳng, tất cả các pháp đều không có ngã pháp, vì đều là Duy thức. Do chân của thanh tịnh mà Bồ-đề của ba Thừa bình đẳng và bình đẳng. Đây là phỏng theo Diệt đế, ba Thừa đều đắc Vô dư Niết-bàn và Hữu dư Niết-bàn. Kinh Thắng Man ghi: “Thanh văn không đắc Niết-bàn”, là y theo ý riêng mà nói, vì sở chứng Niết-bàn nói là năng chứng Bồ-đề bình đẳng, hoặc tánh cảnh của Bồ-đề cũng gọi là Bồ-đề, tức là cựu Trung Biên nói trí xứ. Do Chân như của chánh hạnh mà chánh pháp của Thanh văn duyên với cảnh giới tổng quát, chỗ nhiếp thọ của chỉ và quán thù thắng đều bình đẳng và bình đẳng. Do có Chân như này mà chánh pháp của Thanh văn bình đẳng. Chân như này nếu phế bỏ thì thuyên môn bàn về thể tánh, mỗi mỗi đều có đủ, không có gì mà không bình đẳng. Nếu bàn về thể phỏng theo thuyên môn, cho nên bốn thứ đạo lý này bình đẳng. Trong đây là phỏng theo theo Nhị thừa hạnh mà lập, chứng thời phân bằng nhau, đều như lý mà biết.

Luận: “Bảy thật tánh này”, đến “hai trí cảnh”.

Thuật rằng: Đã đưa ra thể rồi, tiếp theo là nhiếp nhau. Bảy thật

tánh đều là Viên thành thật nhiếp. Hai trí cảnh, là ba Chân như căn bản cảnh trí của thật tướng, Duy thức và thanh tịnh, còn lại bốn Chân như hậu đắc duyên. Đây là phỏng theo sự tăng thượng mà nói. Hoặc bàn về thể của Chân như thì một tức là bảy Chân như đều là căn bản trí cảnh. Phỏng theo thuyên môn làm luận thì bảy Chân như đều là hậu đắc cảnh. Hoặc phỏng theo thuyên môn để hiển ba hoặc bốn cảnh khác nhau thì luận Hiển Dương cùng với đây đồng.

Luận: “Tùy theo nhiếp nhau”, đến “vọng chấp tạp nhiễm”.

Thuật rằng: Luận Trung Biên nói ba pháp này do hai tánh nhiếp. Tại sao vậy? Hoặc vọng chấp ba Chân như đó đều là Biến kế sở chấp nhiếp, hoặc phỏng theo ba Chân như của thuyên môn tạp nhiễm đều là Y tha khởi nhiếp thì tâm kế chấp chỉ có nhiễm Y tha, vì tướng của ba Chân như đều nhiễm Y tha, thể tướng của ba Chân như đó là tạp nhiễm nhiếp không phải Viên thành thật nhiếp.

Luận: “Còn lại bốn Chân như đều là Viên thành thật nhiếp”.

Thuật rằng: Cũng phỏng theo thuyên môn Vô lậu. Luận Trung Biên ghi: “Bốn Chân như này chỉ có chỗ hiển của thánh cảnh và Thánh trí”.

Hỏi: Tại sao Duy thức không phải là hai tánh trước? Tại sao một loại chánh hạnh không thông với Y tha?

Đáp: Biến kế sở chấp phần nhiều không chấp Duy thức, tánh Y tha khởi thì phần ít hiểu biết Duy thức, cho nên không phải hai tánh trước nhiếp. Chánh hạnh thì phỏng theo nghĩa là lỗi, không nói thông nhiếp với Y tha. Thật ra mà nói, pháp trước (ba Chân như) thì thông với hai tánh trước, pháp sau (bốn Chân như) thì thông với Y tha, cũng không có lỗi. Lại nữa, bảy Chân như đều là ba tánh đối với lý không trái nhau, vì chỗ chấp tâm biến và thể của chân khác nhau. Trong luận đã phỏng tùy theo tướng mà nói, cũng không có lỗi.

Luận: “Ba tánh và sáu pháp nhiếp nhau thế nào?”

Thuật rằng: Ba tánh sáu pháp nhiếp nhau môn. Đây là hỏi.

Luận: “Trong sáu pháp kia”, đến “duyên sinh lý”.

Thuật rằng: Sáu pháp như văn nói. Du-già quyển 3 có sáu pháp này. Nhưng vô tướng nhiếp đều có đủ ba tánh, là có thể chỗ chấp vọng đều là Biến kế sở chấp. Chỗ chấp của Vô vi là có nghĩa triển chuyển, như trước đã nói, đều là duyên sinh cho nên thuộc về Y tha. Vô vi cũng là tâm duyên biến hiện, như lý nên biết. Sáu pháp đều có đạo lý vọng và duyên sinh, lý tức là Chân như, cũng là Viên thành thật. Đây là phỏng theo nghĩa chung. Biện Trung Biên ghi: “Sắc ở trong tánh của

sở chấp. Tánh Y tha của sắc, Viên thành tánh của sắc cũng gọi là sắc cho nên mỗi mỗi đều thông với ba tánh. Hoặc bàn riêng thì năm Chân như trước thông với hai tánh, vì Y tha khởi pháp thì thông với Hữu lậu và Vô lậu; một Chân như sau chỉ là Viên thành thật, vì không phải sinh diệt. Đây là trừ ra giả Vô vi, giả Vô vi thông ba tánh như trước. Hoặc nói chung giả cũng chỉ có Viên thành, vì giả như trên. Đây là phân rõ Hữu pháp, không phải kể sở chấp. Có bốn sự, năm sự nhiếp nhau môn, có hai sự năm sự như Biệt sao giải thích.

Luận: “Ba tánh nhiếp nhau là thế nào?”

Thuật rằng: Phần đầu là hỏi, có thể biết rồi.

Luận: “Chư Thánh giáo nói nhiếp nhau bất định”.

Thuật rằng: Đây là đáp chung nhiếp nhau bất định kia.

Luận: “Nói hoặc có chỗ”, đến “không nhiếp năm sự”.

Thuật rằng: Phần đầu là Du-già quyển 74, luận Hiển Dương quyển 6 và 16 ghi: “Bốn sự trước là Y tha, một sự sau là Viên thành thật”. Ba luận Vô tánh quyển 1 và luận Phật Tánh quyển 2 đều thuyết này, nhưng không phải chỗ dẫn ra ở đây vì không dựa theo hai luận đó. Năm sự là tướng, danh, phân biệt, chánh trí và Chân như. Như quyển 73 và 74 rộng giải thích.

Luận: “Luận kia nói Hữu lậu”, đến “đều là Y tha khởi”.

Thuật rằng: Đây là lần lượt vấn nạn. Luận Du-già kia ghi: “Sở biến của tâm Hữu lậu phân làm hai phần. Năng biến làm một, vì năng thuyên và sở thuyên khác nhau”. Còn lại như văn có thể hiểu. Hữu lậu có hý luận, có năng thuyên và sở thuyên, vì dấy khởi danh và tướng, Vô lậu cũng như thế. Đây là phân rõ hữu thể năm sự không nhiếp tánh thứ nhất. Quyển 74 ghi: “Hỏi: Nếu Y tha khởi cũng là chánh trí nhiếp, tại sao chỉ nói Y tha duyên kế sở chấp và tự tánh chấp nên biết? Đáp: Luận kia chỉ nói nhiếp phần Y tha mà không phải là tịnh phần, nếu tịnh phần cũng duyên với vô chấp thì thừa nhận thông với hai tánh”. Còn lại hai tánh dễ hiểu, cho nên không nói.

Luận: “Hoặc lại có chỗ”, đến “Viên thành thật nhiếp”.

Thuật rằng: Đây là cự Trung Biên quyển thượng và tân Trung Biên quyển 2 nói. Hai luận đó đều có văn, không phiền dẫn ra. Dưới đây căn cứ theo đó mà biết.

Luận: “Luận kia nói Hữu lậu”, đến “Viên thành thật nhiếp”.

Thuật rằng: Đây là phỏng theo kiến tướng môn, không phỏng theo thuyên môn. Trước đã phỏng theo thuyên môn, hiện tại y theo Kiến phần và Tướng phần. Hoặc năng thuyên cũng gọi là nhiếp trong tướng,

vì tướng của Kiến phần. Ngoài ra tự chứng phần và Kiến phần gọi là phân biệt, vì có thể duyên tánh. Hai duyên sinh này do Y tha khởi nhiếp, chỗ chấp đều không có. Vì hiển chẳng phải có mà giả thuyết tánh kia là tên của năm pháp, là chỉ có tên gọi mà không có Thật thể. Chân như và chánh trí cả hai đều không có điên đảo, vì thể là Vô lậu, năng duyên và sở duyên đều đoạn dứt lậu, là thuộc về Viên thành thật. Tánh trước y theo duyên sinh, cho nên nhiếp chánh trí. Phỏng theo biệt nghĩa mà nói, do đó cùng với Du-già không trái nhau.

Luận: “Hoặc có chỗ nói”, đến “thuộc về Viên thành thật”.

Thuật rằng: Đây là Thập quyển Lăng-già quyển 7 phẩm Năm pháp nói. Hiện tại khảo sát bản văn tiếng Phạm thì cùng với Lăng-già này đồng, nhưng Lăng-già bộ bốn quyển thì hay hơn. Lăng-già bộ mười quyển thì nói là loạn, như văn dễ hiểu, khởi nhọc giải thích lại.

Luận: “Luận kia nói Hữu lậu”, đến “hai sự của danh tướng”.

Thuật rằng: Văn còn lại có thể biết. Chỉ có hai sự của sở chấp tướng và danh, tức là tùy theo tâm năng kế y tha giả lập sở chấp làm tướng và danh, do phần nhiều nương vào danh mà kế chấp nơi nghĩa, y theo nghĩa kế chấp thật thể của danh đều là không có. Thật ra không phải là danh và tướng. Quyển 76 ghi: “Sở chấp tánh thứ nhất nương vào tướng và danh”. Văn đồng với luận này. Hai sự Thành thật nhiếp chính là cùng với trước đồng, cho nên luận không giải thích.

Luận: “Lại có chỗ nói”, đến “Biến kế sở chấp”.

Thuật rằng: Đây là văn trong Nhiếp luận quyển 5 của Thế Thân. Trong đó giải thích tên gọi và nghĩa nếu thể tương xứng tức là thành lỗi tương vi, trong đây an lập danh làm Y tha khởi, lập nghĩa làm Biến kế sở chấp. Ý ở đây, danh là danh trong năm pháp, nghĩa thì tức là tướng và phân biệt, vì danh là sở thuyên, là năng thủ và sở thủ, cùng với năm pháp kia nhiếp nhau có khác, cho nên song song nêu ra.

Luận: “Kia nói Hữu lậu”, đến “cho nên nói là danh”.

Thuật rằng: Chữ “đẳng” là đồng lấy luôn tự chứng phần và chứng tự chứng phần, đây là tâm và pháp tâm sở của tánh Y tha khởi. Do thế lực phân của danh năng thuyên, tùy theo năng thuyên danh khởi duyên chấp thành sở biến kế, cho nên nói Y tha là chỗ nhiếp của danh. Chữ sở biến kế không phải là kế sở chấp, dựa vào chỗ chấp cho nên là Y tha khởi. Luận kia Thế Thân nói: “Vì Y tha khởi do thế lực của danh mà thành sở biến kế, chính là cùng với đây đồng. Không nói Viên thành thật là vì thể này cùng với danh rất xa nhau.

Luận: “Biến kế sở chấp”, đến “giả lập nghĩa và danh”.

Thuật rằng: Biến kế sở chấp tùy theo danh này mà kế chấp bướng vào nghĩa chop là thật có thể. Nghĩa này không phải thật có, trong chẳng phải có này giả gọi là nghĩa, trong phi nghĩa giả lập nghĩa để gọi. Nói rằng nghĩa này chỉ có nghĩa của sở chấp, vì không tùy theo danh của Y tha. Hiển Viên thành thật lia danh lia nghĩa, không thể làm sở y của danh cho nên trở thành sở biến kế nói đó là danh. Không thể tùy theo danh mà chấp nghĩa này là thật có để giả lập làm nghĩa, đều không phải hai tánh nhiếp. Chỗ nói về năm pháp của Lăng-già và Trung Biên, hoặc thông với hữu và vô, hoặc thể thật có. Biến kế sở chấp là giả cũng thông với hữu, các luận Du-già thì không như vậy. Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: “Kế sở chấp không có, vì năm pháp không nhiếp”, tức là thể của năm pháp chỉ là hữu.

Luận: “Trong các Thánh giáo”, đến “đã nói rộng nên biết”.

Thuật rằng: Từ bốn thuyết kia, văn tuy có khác nhưng lý thì mỗi mỗi đều căn cứ theo một nghĩa, không trái nhau. Nhưng trong các thuyết không tạp loạn, như luận Du-già quyển 72, 73 và 74 và Biệt chương nói ba tánh, các kinh nói tạp loạn thì như lý nên biết. Luận Trung Biên nhiếp ba tánh và mười chân thật tướng, luận này thì đều nhiếp hết, có thể khảo sát văn đó. Nhưng có các uẩn thì luận này không nói, như sau đây sẽ biết.

Luận: “Lại nữa, trong Thánh giáo”, đến “nhiếp nhau thế nào?”

Thuật rằng: Thứ hai là năm sự nhiếp nhau môn.

Luận: “Sở thuyên và năng thuyên”, đến “tướng năng thuyên”.

Thuật rằng: Năm tướng:

1. Sở thuyên.
2. Năng thuyên.
3. Tướng thuộc.
4. Chấp trước.
5. Bất chấp trước.

Vọng chấp các pháp sở thuyên, các danh năng thuyên và tánh kế sở chấp. Ba sự tướng, danh và phân biệt trong năm sự trước, lấy phân biệt là toàn đủ, tướng danh phần ít là tướng sở thuyên, vì danh cũng là sở thuyên. Tướng và danh phần ít là tướng năng thuyên, vì danh cũng là tướng. Hiện tại ba pháp của luận này tùy chỗ thích ứng của nó, sở thuyên và Năng thuyên thuộc Y tha khởi, vì chỉ nói nhiệm phần Y tha khởi, Chân như thì toàn đủ. Chánh trí phần ít là tướng sở thuyên, chánh trí phần ít là tướng năng thuyên, đây là y theo vô đảo mà giải thích thành thật tánh, vì hậu đắc chánh trí cũng có thể biến tợ tướng năng

thuyền. Trước đã nói lìa lỗi không có lậu và không có năng thuyền, hiện tại thì bàn về pháp thật không có lậu cũng là năng thuyền, cho nên tướng sở thuyền và tướng năng thuyền đều thuộc ba tánh.

Luận: “Tướng của hai tướng thuộc”, đến “quyết định tướng thuộc”.

Thuật rằng: Thứ ba là hai tướng thuộc năng thuyền và sở thuyền. Tướng chỉ có kế sở chấp, vì vọng kế chấp danh và nghĩa đó thì quyết định là tướng thuộc.

Luận: “Tướng chấp trước kia”, đến “làm tự tánh”.

Thuật rằng: Thứ tư là chấp trước tướng chỉ có Y tha khởi. Năng chấp trước là hư vọng phân biệt là tự tánh. Nếu sở chấp trước tức là sở biến kế thì cũng là Y tha, vì cũng lấy vọng phân biệt là tự tánh.

Luận: “Tướng bất chấp trước”, đến “làm tự tánh”.

Thuật rằng: Hai trí Vô lậu cùng với câu hành phẩm Tướng phần, Kiến phần và pháp Vô vi Viên thành tánh thì bất chấp trước tướng là tánh này nhiếp. Đây là ba loại riêng sau phỏng theo tướng tăng thắng của ba tánh mà nói, cho nên luận Hiền Dương quyển 16 ghi: “Trong năm tướng này, tướng thứ nhất và thứ hai y theo ba tự tướng, tướng thứ ba y theo Biến kế sở chấp tướng, tướng thứ tư y theo Y tha khởi tướng, tướng thứ năm y theo Viên thành tướng; chính là cùng với đây đồng. Theo thật tế mà nói, tướng thứ ba cũng có hai tánh sau, hoặc chấp sở chấp của hai tướng thuộc là không có thì có thể đó là tánh kế sở chấp. Sở y của sở chấp tánh là hai tướng thuộc, năng chấp và sở chấp của hai tướng thuộc đều là tánh Y tha, hoặc chỉ có bất chấp mà nói hai tướng thuộc, tức là thông với hai tánh sau nhiếp. Hiện tại luận này phỏng theo sở chấp mà nói, cho nên chỉ có kế sở chấp. Chấp trước tướng kia hoặc là sở chấp trước, cũng là tánh kế sở chấp, vì sở chấp trước tướng cũng thông với Viên thành. Hiện tại căn cứ theo tâm năng chấp trước mà nói, cho nên chỉ có Y tha. Bất chấp trước tướng tức là thể, là không có, cũng là bất khả chấp trước cũng là kế sở chấp. Nếu không có tâm chấp trước thì Y tha khởi cũng có, hiện tại căn cứ theo hoàn toàn phi năng chấp trước mà nói, cho nên chỉ có Viên thành. Nhưng Nhiếp Thích phần của quyển 81 và luận Hiền Dương quyển 12 ghi: “Sở duyên tướng gọi là tướng đẳng với năm pháp, tướng năng thuyền gọi là kế sở chấp tướng, hai tướng thuộc tướng gọi là tánh kế sở chấp chấp sở y chỉ. Chấp trước tướng gọi là tự thể chấp cùng với tùy miên này. Bất chấp trước tướng tức là kế sở chấp tướng cùng với tùy miên giải thoát chánh phân biệt kia”. Giải thích rằng: Sở duyên tướng kia tức là Y tha và Viên thành, thật có

sự thể có thể làm thuyên. Biến kế sở chấp đã không có thể, không thể làm thuyên, tuy các Vô pháp cũng là sở thuyên, nhưng vô sai biệt có thể làm dụng của thuyên, không phải sở thuyên nhiếp. Năng thuyên chỉ có kế sở chấp, không phải hai tánh còn lại. Văn của hai luận kia mỗi mỗi đều có lời tự giải thích. Đây là biến kế và sở chấp tánh cũng gọi là hòa hợp, cho đến chỉ gọi là chỉ có âm thanh, vì hiển kia không có thể, chỉ có năng thuyên danh mà thôi. Nhưng nói năng thuyên là kế sở chấp, không phải hai tánh còn lại là phi năng thuyên nhiếp. Đây là danh căn cứ theo một nghĩa, cùng với luận Hiển Dương quyển 16 cũng không trái nhau. Trong hai tướng thuộc tướng này là sở y chỉ của Biến kế sở chấp và tự tánh chấp, tức là Biến tánh kế sở chấp. Chỗ chấp của Biến kế sở chấp và tự tánh là tâm năng chấp, chấp sở y chỉ là chỗ chấp của tâm năng chấp. Sở chấp là nghĩa y chỉ, vì y chỉ sở chấp mà khởi tâm kế chấp, cho nên tướng thứ tư nói Biến kế sở chấp và tự tánh chấp cùng với tùy miên kia là Y tha khởi. Biết rõ chấp sở y là Biến kế sở chấp, trong tướng thứ tư có thể biết rồi. Tướng thứ năm là Bất chấp trước tướng, nói rằng nhiệm nương và giải thoát, giải thoát và liễu tri thuộc Viên thành thật nhiếp. Biến kế sở chấp tướng cùng với tập khí của nó, cho nên biết sở chấp ngã pháp đều không có, chỉ có Y tha nhiệm phần tập khí, đoạn nó thì được của giải thoát. Giải thoát tức là Chân như. Chánh phân biệt tức là Vô lậu trí, ý muốn nói biết rằng kế sở chấp không có. Đoạn Y tha thì đắc giải thoát và chánh trí, là tướng bất chấp trước. Trong năm tướng này, hai tướng trước thì các luận không đồng, mỗi mỗi luận đều căn cứ theo một nghĩa, ba tướng sau thì các luận đều đồng, lý không trái nhau, rộng như các luận kia nói. Hoà tổng hợp như vậy, các bậc trí thì biết.

Luận: “Lại nữa, trong Thánh giáo”, đến “nhiếp nhau thế nào?”

Thuật rằng: Thứ năm là bốn pháp nhiếp nhau môn, đây là hỏi để phát khởi. Luận Hiển Dương quyển 16 ghi: ỏN chư thế gian đối với các sự đều do tập quán mà được ngộ nhập trí kiến, cùng chung thi thiết các tánh Thế tục”. Cho đến lược nói, nói rằng thử là Địa này, không phải thủy kia, như vậy tất cả hữu tình thế gian quyết định hiểu rõ sở hành, tất cả thế gian từ xưa truyền lại danh ngôn quyết định tự và tha phân biệt cùng chung làm chân thật, không phải do chỗ nắm lấy của tà Tư duy chọn lựa quán sát, đó gọi là chỗ thành tựu chân thật của thế gian. Nói rằng bậc trí là có nghĩa đạo lý, cho đến xứ dị sinh vị là tùy theo người quán sát, y theo hiện lượng, tỷ lượng và chí giáo rất khéo tư duy và chọn lựa mà quyết định sở hành và chỗ tri sự của trí, vì chứng thành chỗ kiến lập của đạo lý, đó gọi là chỗ thành tựu chân thật của đạo lý. Để nhập

thánh vị không phải chân thật này, nói rằng tất cả Thanh văn và Độc giác Vô lậu mới liền là trí và Vô lậu, chánh trí và Vô lậu sau chỗ đắc cảnh giới sở hành của các thế gian trí, đó gọi là sở hành chân thật của phiền não chướng tịnh trí, do duyên sở hành này mà phiền não chướng trí được thanh tịnh và sau đó chứng đắc Vô chướng ngại, cho nên nói là chân thật.

Hỏi: Trong đây cái nào là chân thật?

Đáp: Là khổ, tập, diệt và đạo, gọi đó là chỗ hiển bốn loại Thánh đế. Do chọn lựa bốn Thánh đế như vậy mà được nhập vào hiện quán vị, sau hiện quán vị thì chân thật phát sinh, tức là sở hành của ba trí và bốn Đế lý. Do bốn Thánh đế mà gọi đó là chân thật. Nói rằng trong Sở tri có thể chứng ngại trí cho nên gọi là Sở tri chướng. Hoặc chân thật tánh là giải thoát Sở tri chướng trí sở hành cảnh giới thì gọi đó là Sở tri chướng tịnh trí sở hành chân thật, tức là Chân như, Phật giả mượn an lập gọi đây là chân thật, tức là thế gian chung thừa nhận các sự gọi là thế gian chân thật, ba lượng và bốn đạo lý gọi là đạo lý chân thật, bốn Thánh đế lý gọi là phiền não chướng tịnh trí sở hành chân thật, cũng nắm lấy thể của Vô lậu trí là tịnh pháp, tức là sau Đạo đế được duyên thế gian, nếu không như thế thì diệt mất. Chân như trí là Sở tri chướng tịnh trí sở hành chân thật, hoặc thứ nhất gọi là tất cả dị sinh ngoại đạo, thứ hai thì tại giai vị của bảy phương tiện và bốn mươi tâm, thứ ba là thông với giai vị của ba Thừa thánh, thứ tư thì chỉ có giai vị của Đại thừa.

Luận: “Thế gian và đạo lý”, đến “hai sự nhiếp”.

Thuật rằng: Đây là văn của Du-già quyển 36 phẩm Chân thật nghĩa. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: “Thứ nhất là chân thật và thuộc về Y tha”. Quyển 73 ghi: “Chỗ thành tựu chân thật của thế gian và đạo lý là chỗ nhiếp của ba sự trong năm sự, tâm Hữu lậu biến thành đạo lý tướng, cho nên thuộc về Y tha”. Ba sự, là tướng, danh và phân biệt, phần nhiều y theo dị sinh mà nói đạo lý, vì đây là y theo ba pháp Hữu lậu, không nắm lấy tướng của các chánh trí làm tướng. Hai Chướng tịnh trí sở hành chân thật là Viên thành thật nhiếp. Quyển 73 ghi: “Phiền não chướng và tri chướng tịnh trí sở hành chân thật là chỗ nhiếp của hai sự trong năm sự, là chánh trí và như như”. Trước đã nói hai chân thật sau là bốn Thánh đế lý và thủ Chân như, hiện tại đều là bậc trí cũng nắm lấy năng duyên để sau đó đắc thế gian trí, cũng duyên các sự trí của Vô lậu, vì phiền não tịnh trí cho nên không nắm lấy Y tha. Theo chỗ nói của Du-già thì đồng với đây.

Luận: “Biện Trung Biên nói”, đến “chỉ thuộc thứ ba”.

Thuật rằng: Đây là Biện luận Trung Biên nói. Chỗ thành của thể gian chỉ thuộc tánh thứ nhất, tất cả thể gian phần nhiều nương chung một chỗ chấp này, thể tức là Y tha gọi là sở chấp. Lại nữa, giải thích là cộng sở chấp ngã pháp làm chân thật thứ nhất, thể gian chấp thật cho nên gọi là tánh thứ nhất nhiếp. Hoặc phỏng theo giải thích trước thì thể là Hữu pháp, đồng với bốn chân thật của Du-già, đều là Hữu pháp tạm gọi là sở chấp, theo giải thích sau thì thông với Hữu pháp và Vô pháp, làm thể của bốn chân thật cũng không trái nhau. Chân thật thứ hai tức là đạo lý, là chỗ nhiếp của ba tánh. Pháp của đạo lý thì thông với chấp và vô chấp, trong chấp có sở chấp và năng chấp. Sở chấp là tánh thứ nhất, năng chấp là nhiệm Y tha. Trong vô chấp thì thông với tạp nhiệm và thanh tịnh, tạp nhiệm là Y tha, thanh tịnh là thành thật; hai chân thật sau cùng với đây đồng. Trước là chỉ phỏng theo dị sinh mà làm đạo lý chân thật cho nên chỉ có Y tha. Đây là thông với phỏng theo phạm thánh cho nên thông với ba tánh. Trong chân thật thứ nhất, ở đây phỏng theo hữu thể pháp cho nên chỉ có Y tha, luận kia thì căn cứ theo Vô pháp chấp và sở chấp mà nói cho nên chỉ có tánh thứ nhất, không trái nhau. Tụng của Cựu luận Trung Biên quyển thượng ghi: “Một xứ Thế tục thành, ba xứ đạo lý thành, hai chủng của cảnh thanh tịnh nhiếp tại một chỗ”. Tân luận Trung Biên quyển 2 ghi: “Thế cực thành nương vào một, lý cực thành nương vào ba, tịnh sở hành có hai, nương một Viên thành thật”, nghĩa đều đồng. Nên nắm lấy bốn thật thể các luận nêu ra và nghĩa của các môn.

Luận: “Ba tánh và bốn Đế nhiếp nhau như thế nào?”

Thuật rằng: Thứ sáu là bốn Đế môn, đây là hỏi.

Luận: “Trong bốn Đế mỗi mỗi đều đủ ba tánh”.

Thuật rằng: Văn dưới đây có ba phần:

1. Đáp sơ lược.
2. Đáp rộng.
3. Tổng kết.

Đây là đáp sơ lược.

Luận: “Lại trong Khổ đế”, đến “giai vị chuyển biến”.

Thuật rằng: Dưới đây đáp rộng có bảy phần. Chỉ có bốn hạnh của khổ mỗi mỗi đều có đủ ba tánh:

1. Vô tánh vô thường, vì thể tánh thường không có, tức là tánh thứ nhất. Cựu Trung Biên ghi: “Không có vật”. Tân Trung Biên đồng với đây. Chân thật không phải vô thường mà tạm gọi là vô thường hạnh, vì quán tánh này cho nên chân thật giả gọi là đế.

2. Khởi tận vô thường, là trung quán sinh diệt pháp làm vô thường.

3. Cấu tịnh vô thường, chân thật là tánh sau giả gọi là đế, cho nên luận Trung Biên ghi: “Có vô cấu làm nghĩa”. Đây là phỏng theo phần vị của thuyên làm cấu và tịnh, giả gọi là vô thường hạnh. Vô thường hạnh thật ra không duyên với cấu và tịnh. Lại nữa, y theo tất cả vô thường mà nói thì không phải là hạnh dưới của khổ. Như thứ tự của ba tánh này. Luận Trung Biên đồng.

Luận Hiển Dương thì vô thường có sáu hoặc tám, có sáu là:

1. Vô tánh vô thường.
2. Vô thất hoại vô thường.
3. Chuyển dị vô thường, cho đến sáu là đương hữu vô thường.

Có tám là:

1. Sát-na.
2. Tương tục.
3. Bệnh.
4. Lão.
5. Tử.
6. Tâm.
7. Khí.
8. Thọ dụng.

Hai vô thường đầu là khác tất cả pháp, ba vô thường tiếp theo là tại nội sắc, tâm thì chỉ ở tại danh, khí và thọ dụng thì tại ngoại sắc. Luận đó đều phỏng theo ba cõi phân biệt. Nhưng nói sáu vô thường thuộc ba tánh nhiếp thì Vô tánh vô thường nên biết là Biến kế sở chấp nhiếp nhau, các vô thường còn lại là Y tha khởi nhiếp. Tánh Viên thành thật không có nghĩa vô thường. Tại sao luận này nói ba tánh đều có vô thường? Cấu và tịnh gọi là chuyển biến tại Viên thành thật, luận kia thì chuyển dị là Y tha khởi, không phải Viên thành thật.

Tổng hợp nói: “Cứ theo thật tế thì vô thường có hai nghĩa: 1. Vô thường của thể Hữu sinh diệt. 2. Vô tha thường, cho nên gọi là vô thường”.

Đây là chỉ ở tại hai tánh, hai chủng của tánh Viên thành thật đều không có, luận Hiển Dương căn cứ theo đây cho nên nói một tánh không có vô thường. Luận này và Trung Biên phỏng theo thuyên mà làm luận thì tánh Viên thành thật cũng gọi là vô thường, thể là thường pháp chẳng phải không chẳng phải có, vì chỉ phỏng theo thuyên mà làm luận. Lại nữa, cấu và tịnh trong đây là phỏng theo thuyên mà bàn về ý chỉ, chuyển

dị của luận kia bàn về thể của thuyên. Nghĩa chỗ nói của hai luận mỗi mỗi đều không đồng, không phải trái nhau. Lại nữa, luận kia nói mười lăm thứ vô thường, như luận đó có nói rộng.

Luận: “Khổ có ba”, đến “khổ tướng hợp”.

Thuật rằng:

1. Sở thủ khổ, là hai sở thủ ngã pháp của năng chấp tâm, năng chấp là khổ. Khổ này không có giả lập cho nên cũng gọi là khổ. Khổ thật ra là hữu pháp, khổ này không có cho nên gọi là giả khổ, tánh thì thật mà đế thì giả, vì không phải Khổ đế. Cựu Trung Biên ghi: “Một là thủ khổ - Tân Trung Biên đồng luận này. Hai là sự tướng khổ - có thể dễ hiểu vì ba khổ làm tướng. Ba là Hoà hợp khổ - là khổ tướng hợp”, tức là Chân như và tất cả Hữu lậu Hữu vi hợp chung cho nên gọi là khổ, thể thật ra là không có. Tánh thì thật mà đế thì giả, như ba tánh kế tiếp. Tân Trung Biên đồng.

Luận: “Không có ba”, đến “làm tự tánh”.

Thuật rằng:

1. Không thứ nhất có thể hiểu, chính là Không hạnh.
2. Dị tánh Không, Không này là pháp Hữu vi hữu thể, không đồng với thể tánh của kế sở chấp, khác với chỗ không có của nó, vì không có Vô tánh cho nên nói đó là Không. Thể thật ra chẳng phải Không duyên mà làm Không, Không không có sở chấp.

3. Tự tánh Không, vì chỗ hiển của hai Không làm tự tánh.

Ba Không này đều là sở hành của Không hạnh, cho nên gọi là Không hạnh. Luận Hiển Dương quyển 15 ghi: “1. Vô thể không. 2. Viễn ly không. 3. Trừ di không”. Viễn ly, là nghĩa không có sở chấp tướng. Trừ di, là trừ bỏ hai ngã mà hiển Không này. Luận đó quyển 15 ghi: “Ba tánh của Biến kế sở chấp, như thứ tự mà lập ba Không”.

Luận: “Vô ngã có ba”, đến “làm tự tánh”.

Thuật rằng:

1. Vô tướng Vô ngã, là thể tướng của ngã không có.
2. Dị tướng Vô ngã, cùng với ngã tướng khác nhau.
3. Tự tướng Vô ngã, nghĩa đồng như giải thích chữ Không.

Luận: “Tập đế có ba”, đến “giả lập tên của nó”.

Thuật rằng: Tại sao bốn hạnh của Khổ đế mỗi mỗi đều có ba. Tập diệt và đạo, ba Đế này tổng có ba thứ. Nghĩa các hành của Khổ đế thông với các đế cho nên mỗi mỗi đều phân là ba, vì hành tướng của nó rộng. Hành tướng của các đế còn lại thì hẹp cho nên tổng quát làm ba thứ. Luận Trung Biên lại ghi: “Tứ trừ bốn đảo, khổ hành mỗi mỗi đều

phân làm ba, ngoài ra không phải trừ bốn đảo cho nên không phân làm ba thứ. Một là tập khí Tập đế, đế này thì thật mà tánh thì giả. Chấp tập khí của ngã pháp kia, thể là Y tha, đây là từ chỗ nương mà đặt tên, giả lập Biến kế sở chấp. Hoặc duyên thủ mà khởi chấp thì gọi là chấp bĩ, tạo tác sở biến kế thuộc giả sở chấp nhiếp, đây là từ năng y mà đặt tên là giả.

Luận: “Hai là Đẳng khởi tập”, đến “chưa lìa Chương Chân như”.

Thuật rằng: Bình đẳng mà khởi, phiền não khởi nghiệp, nghiệp khởi quả. Ba là vị Ly hệ tập, giả gọi là tập, tánh thật mà đế giả. Như thứ tự ba tánh, các luận kia đều đồng.

Luận: “Diệt đế có ba”, đến “gọi là Chân như”.

Thuật rằng:

1. Tự tánh diệt, diệt là nghĩa bất sinh, tánh thì thật mà giả gọi là diệt, quyết định phi đế nhiếp.

2. Hai thủ diệt, là năng thủ và sở thủ không có. Hộ Pháp và An Tuệ, mỗi vị đều có giải thích riêng, từ chỗ không có mà được diệt Y tha, giả gọi là diệt, đế thì thật, vì không phải Y tha cho nên tánh thì giả.

Luận Trung Biên ghi: “Hai thủ không sinh”.

3. Bản tánh diệt, luận Trung Biên gọi là trạch diệt và Chân như cùng với luận này trái nhau. Như Sao Tổng hợp kia, phối hợp thứ tự với ba tánh.

Luận: “Đạo đế có ba”, đến “Viên thành thật”.

Thuật rằng:

1. Biến tri đạo, từ Sở tri đạo đặt tên là danh kế sở chấp, đế thì thật mà tánh thì giả.

2. Vĩnh đoạn đạo, chỉ nói nhiếp phần gọi là Y tha, thuộc năng đoạn Viên thành thật nhiếp. Từ sở đoạn thứ nhất gọi là tánh Y tha, đế thật tánh giả; hoặc thể năng đoạn tức là Y tha, tánh và đế đều thật.

3. Tác chứng đạo, hoặc là giả hoặc là thật. Như đã nói Y tha, phối hợp theo thứ tự của hai tánh.

Luận: “Nhưng Sở tri đạo cũng thông với hai tánh sau”.

Thuật rằng: Chữ Biến trí ý nghĩa rộng, cho nên quyển 74 ghi: “Ba tánh đều xứng với biến tri”. Luận Hiền Dương quyển 6 ghi: “Biến kế sở chấp chỉ xứng với biến tri”. Vì không có nghĩa khác cho nên riêng được tên chung, hai tánh còn lại đều là biến tri, vì biến tri có thể riêng xứng với đoạn và xứng với chứng, như thứ tự mà được tên.

Luận: “Bảy thứ ba đạo và ba tánh”, đến “như lý nên biết”.

Thuật rằng: Dưới đây tổng kết, dưới Khổ đế có bốn thứ ba đạo (Biến tri đạo, Vĩnh đoạn đạo và Tác chứng đạo). Dưới ba Đế còn lại mỗi đế đều có ba đạo, tổng cộng có bảy thứ ba đạo, cùng với ba tánh thứ tự phối hợp. Luận Trung Biên quyển 2 đồng. Hoặc giả hoặc thật, nên như lý suy nghĩ, tùy theo văn nêu ra đã xong. Sao giải quyển 2 của luận Trung Biên không đồng thứ tự trong đây.

Luận: “Ba giải thoát môn”, đến “nhiếp nhau thế nào?”

Thuật rằng: Bảy là ba pháp nhiếp nhau môn, đây là hỏi.

Luận: “Lý thì thật ra đều thông”, đến “như thứ tự nên biết”.

Thuật rằng: Điều thông với ba tánh là nói thông với Y tha ở trên, không có kế sở chấp, do hiển thành thật, thành thật do chỗ hiển của Không thì làm Không cảnh, đều không đối với cảnh này mà khởi mong cầu, cho nên là vô nguyện cảnh, không phải duyên Chân như của Biến kế sở chấp mà khởi nguyện cầu, như Không duyên ba tánh này làm vô tướng, là vô tướng cảnh. Quyển 72 ghi: Tướng thông với ba thứ là Không, vô nguyện và vô tướng, cũng là ba thứ cảnh. Trong đây đã nói ba giải thoát môn, tức là chỉ có tuệ do tu xuất thế phát sinh để chứng mà nói. Quyển 72 và luận Hiển Dương quyển 2 đều nói giải thoát môn, nói rằng chỉ có tu tuệ của xuất thế. Đã như thế thì tướng của Hữu lậu và Vô lậu trong năm sự là ba thứ cảnh, Y tha và Viên thành đều thông với ba cảnh. Tịnh phần Y tha thì thuộc Viên thành thật, duyên nó cũng là vô tướng, vì bốn hạnh của đạo gọi là vô tướng. Luận Hiển Dương quyển 2 ghi: “Bốn hạnh của đạo thông với ba giải thoát môn”. Du-già quyển 12 ghi: “Nếu ở chỗ này không có vật kia thì quán sát nó là Không, gọi là Không tánh, tức là chỗ quán Không không thể mong cầu, cho nên gọi là Vô nguyện”. Là luận này nói lìa tất cả hành tướng do đó gọi là vô tướng, tức là duyên Biến kế sở chấp làm ba giải thoát môn. Hiện tại tổng nói lý thật của ba tánh đều thông với ba giải thoát môn. Tùy theo tăng thêm tướng riêng mà nói thì ba tánh và Không mỗi mỗi đều chỉ có một như thứ tự. Quyển 74 và luận Hiển Dương quyển 6 ghi: Do tánh thứ nhất cho nên lập Không giải thoát môn, do tánh thứ hai cho nên lập vô nguyện giải thoát môn, do tánh Viên thành thật cho nên lập vô tướng giải thoát môn. Ý nghĩa của nó có thể biết rồi, như Xu Yếu giải thích.

Luận: “Duyên ba tánh này lại sinh”, đến “là cảnh của nó”.

Thuật rằng: Nhãn là trí, chứng gọi là nhãn. Văn của quyển 74 và luận Hiển Dương quyển 6 đều đồng với đây, ý văn có thể hiểu, là duyên ba tánh này sinh ra ba nhãn. Bản thể của Biến kế sở chấp thì không có sinh, Y tha duyên khởi thì không có tự nhiên sinh, khi chứng

Viên thành thật thì hoặc và khổ đều không khởi, đó là gọi riêng ba thứ vô sinh nhẫn, không nói nhân duyên của Y tha cũng không có mà gọi là vô sinh nhẫn. Luận Hiển Dương ghi: “Ba nhẫn này tại bất thoái Địa, tức là từ Sơ địa trở đi khi chứng ba tánh thì đắc ba nhẫn này”. Như luận Đối Pháp quyển 12 Sao dẫn văn của Đại Trí Độ luận. Quyển 86 ghi: “Tất cả hành khổ nương vào vô nguyện, tức là nương vào Y tha này; tất cả pháp Vô ngã nương vào Không, tức là duyên kế sở chấp này; Niết-bàn tịch tịnh tức là duyên Viên thành thật này”. Luận này thì lược bỏ mà không nói. Nên tổng hợp các nghĩa ba giải thoát môn của các luận, như Biệt sao nói.

Luận: “Ba tánh này tại sao nhiếp hai Đế?”

Thuật rằng: Tám là hai pháp nhiếp nhau môn. Đây là hỏi để phát khởi.

Luận: “Nên biết Thế tục”, đến “tức là ba tánh này”.

Thuật rằng: Thế tục có bốn thứ:

Thứ nhất là Giả Thế tục, thật ra không có thể tánh có thể gọi là Thế tục, chỉ có cái tên của nó giả gọi là Thế tục. Trong bốn Thế tục thì Thế tục thứ nhất nhiếp.

Thứ hai là thể Hữu vi hạnh, chính thể là Thế tục, lựa riêng với Thế tục của Thắng nghĩa để cho nên gọi là Hữu vi hạnh. Cựu Trung Biên ghi: “Thủ hạnh Thế tục, chỉ có Hữu vi Y tha”, trong bốn Thế tục thì Thế tục thứ hai và thứ ba nhiếp. Thế tục thứ ba nhiếp là trên tâm biến tợ tướng và lý của bốn Đế không lìa ở sự Y tha khởi nhiếp. Thứ ba là hiển liễu Thế tục, Thế tục thứ ba này theo Tân luận Trung Biên thì đồng. Nói rằng đoạn nhiệm Y tha thì Biến kế sở chấp không có hai Không làm môn để hiển Chân như gọi là Viên thành thật. Trong bốn Thế tục là Thế tục thứ tư, hoặc Thế tục này cũng nắm lấy Thế tục thứ ba của bốn Thế tục, là Vô lậu. Như thứ tự phối hợp với ba tánh. Luận Hiển Dương cũng có văn này.

Luận: “Thắng nghĩa có ba”, đến “tánh Viên thành thật”.

Thuật rằng: Thắng nghĩa thứ nhất - thuộc Y sĩ thích, Thắng nghĩa thứ ba nhiếp. Thắng nghĩa đắc thứ hai, gọi là Niết-bàn - thuộc Trì nghiệp thích. Thắng nghĩa nhiếp thứ ba, do chứng mà hiển. Phỏng theo đắc mà phân tích thì Chân như thành tựu đã từ xưa cho nên không nói là đắc, Niết-bàn thì sau đó mới hiển cho nên lập tên là đắc. Thắng nghĩa thứ ba là Thắng nghĩa thứ hai nhiếp, lý có chút ít thù thắng. Hoặc tùy theo sự thì cũng là Thắng nghĩa thứ nhất - thuộc Đa tài thích. Cựu Trung Biên nói là chánh hạnh chân thật. Ba Thắng nghĩa này thì danh và thể của Tân

Trung Biên đồng với đây. Hai Thắng nghĩa trước thì không có biến đổi, vì bất sinh diệt, Thắng nghĩa thứ ba thì không có điên đảo, tùy chỗ thích ứng của nó đều gọi là Viên thành thật, vì Vô lậu Y tha trong đây nói là Viên thành thật. Dưới đây tự thuyết minh rộng hai Đế, không tạm trình bày xen vào.

Luận: “Ba tánh như vậy là sở hành của trí nào?”

Thuật rằng: Chín là phàm Thánh trí cảnh môn, đây là hỏi để phát khởi.

Luận: “Biến kế sở chấp”, đến “chỉ có cảnh của Thánh trí”.

Thuật rằng: Tánh thứ nhất (Biến kế sở chấp) không có gì mà không phải Sở duyên duyên, vì thể của Sở duyên duyên có đủ hai nghĩa, chắc chắn là Hữu thể, nếu không như thế thì Phật trí đáng lẽ không duyên nó. Duyên và bất duyên đều có lỗi, vì Bất duyên và Bất tri không có. Tại sao lại nói nó (tánh thứ nhất) đáng lẽ là biến tri? Nếu duyên thì tại sao thành Sở duyên duyên? Giải thích rằng: “Cận Sở duyên duyên thì không duyên nó, vì không phải Hữu pháp cho nên lấy làm Bản vô chất mà riêng biến tướng tự Vô gọi là ứng tri, duyên Vô như duyên tha tâm, không như thế thì trái với đạo lý của Thánh giáo. Như duyên tha tâm, Nhị Thập Duy Thức ghi: “Bất tri giống như cảnh Bất khả tư nghì của Phật”. Tuy như thế, dưới đây nói về cận duyên, vì từ trên đến đây, ý của luận không thừa nhận cận duyên. Giải thích văn đó rằng: “Chỉ xứng với thật tri, là tướng thân chứng của Phật cho nên gọi là hiện lượng, vì minh tịnh viên cực hơn Nhị thừa, cho đến thiên nhãn và túc mạng duyên quá khứ và vị lai cũng như thế, khi Phật trí sinh thì có tướng này khởi. Phật thân chứng tướng Viên minh viên cực hơn các bậc Thanh văn, gọi đó là tri, vì Thanh văn không phải thân chứng. Nói chẳng nghĩ bàn là Thắng nghĩa, vì có nghĩa là Viên minh viên cực. Không phải nói rằng thân chứng tâm kia, vì nắm bắt ngoài tâm. Bậc Thánh cho đó là trái với Vô, vì ngoài tâm không có Vô. Chỉ thấy tướng Y tha khởi trên tự tâm, không thấy thật ngã và thật pháp trên sở thủ của tâm, vì thật ngã và thật pháp đều là Vô sở hữu, vì tạo tác vô tướng này cho nên gọi là ứng tri. Đây là nghĩa của Hộ Pháp, như Nhị Thập Duy Thức Sao quyển 2 giải thích. Quyển 74 ghi: “Tánh thứ nhất không phải hạnh của phàm và thánh, vì vô tướng”. Nhưng nói ứng tri cho nên giải thích này thù thắng. Y tha và Viên thành của luận kia nói cảnh đồng với đây. Y tha chỉ là cảnh của Vô lậu Thánh trí thế gian, không phải Xuất thế trí, vì là pháp Hữu vi. Phật Địa quyển 7 dẫn luận Du-già ghi: “Tánh thứ nhất không phải thánh cảnh, tánh sau không phải phàm cảnh, tánh giữa là hai cảnh”. Tánh thứ nhất không có

gì mà không phải là chỗ chứng của Thánh trí, lại cũng không có chấp. Thắng nghĩa của tánh sau không phải trí của phàm và thánh thân duyên được. Nếu như thế thì Thánh trí không hiểu tất cả, vì Thắng nghĩa đó đã là Vô thì trí hiểu biết cái gì? Nếu trí là có thì trở thành điên đảo, nếu trí là không có thì không phải tánh thứ nhất, chỗ hiện Vô của tâm thì Y tha khởi nhiếp, lý Vô của Chân như thì Viên thành thật nhiếp. Do đó Thánh trí tuy biết Hữu và Vô, nhưng không duyên tánh thứ nhất kia làm cảnh. Đồng với chỗ nói trước. Không phải không chứng Vô thì không phải Thánh trí, vì không có pháp ngoài tâm cũng có thể duyên được. Phàm trí tuy duyên Chân như không được thật cho nên nói Viên thành thật không phải cảnh của phàm trí. Tổng kết có ba đoạn văn:

1. Tánh thứ nhất không phải sở hành của phàm và thánh, tánh sau không phải sở hành của phàm.

2. Tánh thứ nhất không phải sở hành của thánh.

3. Thông cả sở hành của Thánh trí và phàm trí thì tánh sau cũng đáng lẽ cách xa sở thủ.

Luận: “Trong ba tánh này có mấy giả và mấy thật?”

Thuật rằng: Mười là giả thật môn.

Luận: “Biến kế sở chấp”, đến “không phải giả không phải thật”.

Thuật rằng: Tánh thứ nhất có danh mà không có thể, là vọng tình vọng lập, có thể nói là giả. Bàn về pháp thể của nó đã không có tướng Phi giả phi thật, không phải sừng thỏ có thể nói là giả và thật, chắc chắn là nương trên chung và riêng của pháp Hữu thể mà lập giả và thật.

Luận: “Tánh Y tha khởi”, đến “mà thi thiết”.

Thuật rằng: Tánh thứ hai này có Thật và có giả. Giả có ba thứ:

1. Tụ tập giả, như bình, chậu, hữu tình... là pháp tụ tập, là nhiều pháp cùng một lúc hợp thành.

2. Tương tục giả, như các đời quá khứ, vị lai... chỉ có nhân quả tương tục tánh, là trên nhiều pháp nhiều thời mà lập một giả pháp, như Phật ngày xưa nói là lộc vương, ngày nay là thân ta. Chỗ trên từng sát-na diệt, tuy thể là thật, nhưng đối với nhiều pháp tương tục này mà giả lập một hữu tình, đến nay cũng còn tồn tại.

3. Phần vị giả, như Bất tương ưng hành là tánh của phần vị, cho nên đều là giả, trên một pháp một thời mà lập.

Như trên một sắc gọi là Hữu lậu, có thể thấy có đối lập, cũng gọi là các sắc, đều là trên một pháp mà giả thi thiết. Nếu tánh Y tha là thật thì đáng lẽ có nhiều thể, phần hận... của nó đều là giả này nhiếp. Tâm,

tâm sở và sắc đều là chủng tử của nhân duyên sinh cho nên nói là thật. Hoặc Thanh Biện y theo Thắng nghĩa để Y tha mà gọi là giả. Trong Y tha, tự nó không có thật pháp, và giả pháp cũng không có, vì giả pháp trong một chủng loại chắc chắn là nương vào thật nhân mà thi thiết. Trong ba tánh của luận Hiền Dương quyển 16 ghi: “Không nên tuyên nói các pháp chỉ là giả hữu. Tại sao vậy? Vì giả pháp chắc chắn có nhân sở y”. Không phải không có thật pháp và giả pháp thành lập, hoặc khác với đây là không có thật vật cho nên giả đáng lẽ cũng không có, tức là nên phá hoại hai pháp giả và thật. Hai pháp bị hoại, do đó đáng lẽ không có tạp nhiễm, tạp nhiễm đã có thể đắc thì nên biết chắc chắn là có tánh Y tha khởi. Lại nữa, nói: “Y tha không giống như thi thiết quyết định là có, cũng không phải tất cả quyết định là không, cho nên Tất cả chủng không phải Hữu khởi Vô”. Nhưng thừa nhận đều có thể nói năng, nói hoặc Hữu hoặc Vô, cũng Hữu cũng Vô, Phi hữu chẳng phải không. Tánh này thông với giả và thật, do vì Thế tục cho nên nói là hữu, nếu là Phi hữu và Phi chẳng phải có trong Thắng nghĩa thì không thể nói năng. Luận Đối Pháp quyển 3 ghi: “Vì đối đãi với danh ngôn cho nên tất cả đều là giả, không đối đãi với danh ngôn cho nên tất cả đều là thật”. Chân đế ba Tạng giải thích quyền luận thành ba giả này, Trần Na sáng tác, như Biệt Chương nói.

Hỏi: Quyển thứ hai sự Phệ-thế vấn nạn giả pháp chắc chắn nương vào cộng pháp của chân sự và tự sự mà lập, các sự đó đều bị bị phá, tại sao trong đây giả pháp nương vào thật pháp?

Đáp: Sự Phệ-thế họ cho rằng chân sự tức là các câu nghĩa của thật, tự sự thì nương vào chân sự này mà thành, cộng pháp là đức. Lại nữa, chân sự là tự tướng của pháp, hiện tại luận này phá các câu nghĩa thật của nó không phải là chân sự, chân sự không có cho nên tự sự cũng không có, cộng pháp của câu đức cũng không có, không phải đối với tự tướng mà có tự danh khởi. Hiện tại luận này đối với pháp cộng tướng mới có tự danh sinh khởi. Nhưng trong cộng tướng cần phải có phần ít thể pháp, như màu xanh, màu vàng, tâm, tâm sở... mới có giả thuyết là dài, ngắn... Bất tương ứng làm giả pháp không phải không có thật của nó mà có giả này. Trước đã phá chân của nó, vì chân không phải là thật, đối với thể chỗ chấp của nó hoàn toàn không có. Hiện tại luận này nói thật sự, có chút ít nên nghĩ bàn.

Hỏi: Nếu như thế tại sao nói Y tha là tự ngã pháp, hay là thật sự của ngã pháp không có?

Đáp: Trước đã nói Y tha tương tự vọng tình năng chấp thật ngã

thật pháp của nó là giả, lại còn nương vào thật mà nói là giả ngã pháp, không phải nương vào cảnh của vọng tình mà nói là giả ngã pháp, vì ngã pháp không có.

Luận: “Tánh Viên thành thật”, đến “mà thi thiết”.

Thuật rằng: Trong năm pháp của quyển 72 cũng nói, chỉ là Thật hữu vì Thắng nghĩa nhiếp.

Luận: “Ba pháp này là dị hay là bất dị?”

Thuật rằng: Mười một là ba tánh đối biện dị bất dị môn. Trước đã luận về bài tụng này, cùng với biệt tự tướng của hữu thể pháp đối chiếu thuyết minh dị và bất dị, là chỗ không có của các luận khác. Hiện tại ba tánh này đối chiếu thuyết minh dị và bất dị, trong Nhiếp luận cũng có.

Luận: “Đáng lẽ nói đều không phải”, đến “chân nghĩa riêng khác”.

Thuật rằng: Nếu nói là dị thì không có riêng thể, là vọng sở chấp gọi là tánh thứ nhất, không phải là Y tha mà riêng có thể của tánh thứ nhất. Nếu tánh thứ nhất có thể và có thể nói là dị thì tánh Viên thành thật là Thật tánh của Y tha, không thể nói ba tánh là dị. Phi bất dị thì vọng chấp là tánh thứ nhất, duyên khởi là tánh thứ hai, chân nghĩa là tánh thứ ba. Đã là ba tánh này riêng khác, không thể nói phi bất dị. Như chỗ dẫn luận Nhiếp Đại thừa ở trước đã nói.

Luận: “Ba tánh như vậy”, đến “lược bỏ hiển thị cương yếu”.

Thuật rằng: Từ xuống là phần thứ hai tổng kết. Nghĩa loại vô biên. Luận Hiển Dương quyển 6, quyển 7, quyển 13 ghi: “Ba tánh mỗi mỗi đều có năm nghiêp”. Ba tánh là phương tiện Bồ-đề của ba Thừa, ba tánh quyết định hiểu rõ nghĩa ẩn mật của kinh. Như trong luận Nhiếp Đại thừa, là Phạm Thiên hỏi kinh, không đặc sinh tử và Niết-bàn, là ví dụ về Kim tàng thổ (vàng giấu dưới đất), là tất cả pháp thường và vô thường. Khi thông đạt ba tánh này thì hành đối với tướng hay là vô tướng? Ngộ nhập Biến kế tánh hay là nhập vào tánh nào, cho đến nhập Viên thành thật hay là trừ bỏ tánh nào? Ba tánh y chỉ trong năm sự là sự gì? Nếu không có tánh thứ nhất thì có lỗi gì? Trong Y tha đáng lẽ không có danh ngôn chấp, không có danh ngôn chấp cho nên đáng lẽ không có nghiêp và tịnh. Không có tánh thứ hai thì có lỗi gì? Không do công dụng thì tất cả tạp nghiêp đều là chẳng phải có, nghiêp này không có thì đáng lẽ không có thanh tịnh. Không có Viên thành thật thì có lỗi gì? Tất cả thanh tịnh phẩm đều đáng lẽ là bất khả tri. Thô tế, nan kiến và cực nan liễu của ba tánh cũng như thế. Có mấy thứ vô thể có thể chuyển hữu thể? Có mấy tánh bất sinh có thể sinh ra sinh? Chấp tướng và vô chấp

tướng của ba tánh, làm sao biết được ba tánh? Ba tánh có mấy tự phi nhiệm có thể làm cho tha nhiệm? Ba tánh mỗi mỗi đều lấy gì để là ví dụ? Luận Trung Biên ghi: “Sắc có ba thứ: một là Sở chấp nghĩa sắc, là sắc ở vào phân biệt tánh; hai là Phân biệt nghĩa sắc, là sắc ở vào tánh Y tha; ba là pháp tánh sắc, là sắc ở vào chân thật tánh”. Vì sắc thông với tướng, một sắc thông với ba tánh, cho đến thức uẩn, cho đến mười hai xứ cũng như thế. Các môn như vậy, nghĩa loại vô tận, đều dễ biết, vì dợ chán văn nhiều phiền phức, cho nên trong luận này lược bỏ hiển thị cương yếu, nhưng những lý này đều nhiếp hết các kinh luận không sót một thứ nào! luận Đối Pháp quyển 12 Biệt sao thì có khác, nên nắm lấy để hiểu!

